

Bản án số: 45/2022/HS-ST

Ngày: 30-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phụng;
2. Ông Trịnh Tiến Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trung – Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Tạ Như Quỳnh và bà Vũ Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29, 30 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, xét xử công khai Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HS ngày 15/8/2022 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn P, tên gọi khác: Không; sinh ngày 01 tháng 01 năm 1982 tại T, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ 11, Phường M, thành Phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần C, sinh năm 1932 và bà Hồ Thị X, sinh năm 1942; vợ: Cao Diễm H, sinh năm: 1983; con: có 2 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23/11/2021. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang, có mặt.

2. Nguyễn Văn Q, tên gọi khác: Không; sinh ngày 20 tháng 10 năm 1978, tại: huyện M, Thành Phố Hà Nội; nơi thường trú: Thôn T, xã T, huyện M, Thành Phố Hà Nội; nơi cư trú: Tổ 1, Thị trấn N, huyện V, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng Giám đốc Công ty C; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đức Q (đã chết); Con bà: Trần Thị L sinh năm: 1955; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1982; con: Có 3 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/11/2021 đến ngày 23/6/2022 được áp dụng thay đổi biện pháp ngăn chặn từ Tạm giam sang Bảo Lãnh, hiện bị cáo đang cư trú tại: Tổ 1, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hà Giang, có mặt.

3. Bùi Duy Chính, tên gọi khác: Không; sinh ngày 15 tháng 8 năm 1977, tại: Đ, tỉnh Phú Thọ; nơi thường trú: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Đức T, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1955; vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 (đã ly hôn); con: Có 1 con, sinh năm 2000; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/11/2021. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang, có mặt.

4. Lê Duy T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 01 tháng 02 năm 1970, tại huyện Y, tỉnh Nam Định; nơi thường trú: Thôn 5, xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Chí T (đã chết) và bà Phạm Thị T, sinh năm 1939; vợ: Vương Thị V, sinh năm 1982; con: Có 3 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Công an huyện V, tỉnh Hà Giang xử phạt 50.000đ về hành vi đánh bạc, tại Quyết định số 05/QĐ/SPVPHC, ngày 19/12/2002; bị UBND huyện B xử phạt 10.000.000đ về vi phạm thăm dò khoáng sản không có giấy phép tại quyết định số 7703/QĐ-UBND ngày 06/6/2013.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/02/2022 đến ngày 05/4/2022 được áp dụng thay đổi biện pháp ngăn chặn từ Tạm giam sang Bảo Lãnh, hiện đang cư trú tại: Thôn 5, xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang, có mặt.

5. Lê Khả C, tên gọi khác: Không; sinh ngày 20 tháng 11 năm 1979, tại H, tỉnh Thanh Hóa; nơi thường trú: Tổ 14, phường T, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang; số CMND/Thẻ CCCD 038079015699; nghề nghiệp: Phó Giám đốc Công ty S; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 139-QĐ/UBKTĐUK, ngày 26/4/2022 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy khối Cơ quan- Doanh nghiệp tỉnh; con ông: Lê Khả Q, sinh năm 1948 và bà Hoàng Thị L sinh năm 1952; vợ: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1983; con: Có 2 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/4/2022. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang, có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang.

Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự: Ông Nguyễn Văn S - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự: Ông Trương Huy H - Giám đốc Sở T, theo Văn bản ủy quyền số 1308/UBND-NCPC ngày 11/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành L - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Địa chỉ: 108 - T - H- Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Xuân T, Trưởng phòng tổng hợp Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh Hà Giang; theo Văn bản ủy quyền số 630/UQ-HĐQT-NHCT18 V/v ủy quyền thường xuyên tham gia tố tụng; có mặt.

2. Công ty V; địa chỉ: Tổ 1, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hà Giang

- Ông Đặng Xuân T, sinh năm 1983. Địa chỉ: M - L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, thành viên cổ đông; có mặt;

- Ông Hoàng Văn V, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang, thành viên cổ đông; có mặt.

3. Chị Hoàng Ngọc L, sinh năm 2000. Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ 15, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Đức G, sinh năm 1991. Địa chỉ: Xóm H, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.

6. Ông Đỗ Phúc H, sinh năm 1995; địa chỉ: Xã T huyện M, Thành phố Hà Nội; có mặt.

- ***Người làm chứng:*** Phạm Công B, Nông Văn B, Vi Văn S, Triệu Thị T, Lâm Thị P, Lâm Thị T, Lâm Thị C, Vi Văn L, Vi Văn B, Vi Văn S, Hoàng Văn C, Vi Thị H, Hoàng Thị H, Phan Thị X, Hoàng Thị T, Lê Thị B, Nguyễn Văn B, Lý Văn O, Ma Xuân Q, Vi Văn T, Lê Văn Q; có mặt.

Hoàng Ngọc T, Hà Bá Đ, Nguyễn Mạnh H, Trịnh Văn T, Vi Văn T, Vi Thị L, Nguyễn Thị Q, Phạm Công N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 15 giờ ngày 13/10/2021, sau khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã đến thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang kiểm tra, tiến hành lập biên bản sự việc các hoạt động khai thác khoáng sản, tại hiện trường phát hiện **Bùi Duy C** (Sinh ngày 15/8/1977; nơi cư trú: Thôn L, xã

Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang); **Vi Văn Nhân N** (Sinh ngày 09/01/1995; nơi cư trú: Đội 3, Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang); **Lý Văn O** (Sinh ngày 17/03/1986; nơi cư trú: Thôn k, xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang) đang có hành vi khai thác trái phép tài nguyên khoáng sản (quặng Mangan);

Hiện trường được xác định tại khu vực đồi đất thuộc thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang là vị trí mỏ khai thác Mangan trước đây của Công ty L; qua kiểm tra phát hiện nhiều đồi đất bị đào bới ở nhiều vị trí khác nhau tạo thành vùng trũng, phát hiện 01 máy đào bánh xích, nhãn hiệu HITACHI loại 350LC, màu vàng cam, đã qua sử dụng, không gắn biển kiểm soát. Phía dưới gàu mức phát hiện một hố kích thước dài 14,5m x rộng 12,80m x sâu 9.9m, phía dưới đáy hố có nước. Tại vị trí hố nêu trên phát hiện 01 xe ô tô tải ben, Biển kiểm soát 23C- 03851, nhãn hiệu HOWO, đã qua sử dụng, đầu xe quay ra ngoài đường mòn phía cổng chính của mỏ. Trên thùng xe phát hiện một đồng đất tối màu (*Nghi là quặng*); phía sau khu vực khai thác, phát hiện một vị trí bị đào sâu vào trong khe núi, diện tích xác định là 325m²;

Tại khu vực sân chứa khoáng sản có diện tích là 284m², phát hiện 01 đồng đá tối màu, có hình thù sắc nhọn, nhiều góc cạnh, kích thước dài 4,20m, rộng 2,2m, cao 3,80m (*Nghi là quặng*) và 01 đồng đất tối màu dài 8,50m, rộng 10,0m, cao 2,70m.

Tại khu vực tuyển khoáng sản, có tổng diện tích là 5.199m² phát hiện một 01 Hệ thống tuyển quặng có các bộ phận liên kết với nhau có một đồng khoáng sản thành phẩm có kích thước dài 4,70m, rộng 05m, cao 02m. Tại các vị trí xung quanh đồng quặng thành phẩm trên phát hiện 05 phương tiện gồm (*Máy đào bánh xích, máy xúc lật, máy mức...*).

Qua điều tra đã xác định được: Khu vực khai thác khoáng sản tại thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1228/GP-UBND, ngày 25/6/2012 của UBND tỉnh Hà Giang thì Công ty L, được cấp phép khai thác mỏ Mangan Đồng Tâm đến hết ngày **24/11/2014**.

Trước khi hết hạn giấy phép khai thác đối với mỏ khai thác Mangan trên, Công ty L đã có đơn đề nghị UBND tỉnh Hà Giang ra hạn giấy phép khai thác; ngày 29/8/2014, UBND tỉnh đã có Văn bản số 2876/UBND-CNGTXD chỉ đạo Sở T tỉnh tham mưu đề xuất giải quyết việc xin gia hạn của Công ty L; tại Văn bản số 809/STNMT ngày 16/10/2014 của Sở T đã báo cáo: “...*tại Giấy phép số 1086/GP - BTNMT, ngày 10/06/2021, của Bộ Tài nguyên Môi trường cấp phép cho Công ty CP B được thăm dò quặng Mangan tại khu vực xã Đ, huyện B với tổng diện tích là 5,65Km², gồm khu A diện tích 4,89Km², khu B diện tích 0,76Km². Theo Giấy phép số 1086/GP - BTNMT, thì trong khu B có phần diện tích (16,5 ha) đã được UBND tỉnh cấp phép cho Công ty L. Trên cơ sở Biên bản thỏa thuận ngày 30/09/2013 giữa Công ty L và Công ty CPV, sau khi Công ty L hết hạn giấy phép khai thác vào ngày 24/11/2014, Công ty CP V tiến hành thăm dò theo đề án đã được phê duyệt..*”. Như vậy, việc xem xét cấp phép khai thác lại

mỏ Mangan tại xã Đ (*phần diện tích 16,5 ha*) cho Công ty L chỉ được thực hiện sau khi có kết quả thăm dò của Công ty V, theo quy định của Luật Khoáng sản.

Ngày 11/4/2019, Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản Quốc gia đã tổ chức thẩm định (*Có thành phần của Sở T tham gia*) kết quả xác định: Trong diện tích khu B (*phần diện tích 16,5 ha trước đó đã cấp phép khai thác cho Công ty L*) không có thân quặng, trữ lượng quặng Mangan. Do đó không có cơ sở để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản cho doanh nghiệp, theo quy định của Luật Khoáng sản.

Tại Văn bản số 2233/UBND - KTTH, ngày 18/7/2019, của UBND tỉnh Hà Giang về việc thông báo chấm dứt hiệu lực giấy phép khai thác khoáng sản Mangan tại xã Đ đối với Công ty L, đã yêu cầu Công ty L chấm dứt mọi hoạt động khai thác khoáng sản tại mỏ Mangan xã Đ. Công ty L không còn các quyền liên quan theo quy định của Luật Khoáng sản và phải di chuyển toàn bộ tài sản còn lại ra khỏi khu vực khai thác trước ngày 30/8/2019 và lập hồ sơ, thủ tục đóng cửa mỏ theo quy định.

Theo Quyết định số 122/QĐ- UBND, ngày 17/01/2020, của UBND tỉnh đã phê duyệt đề án đóng cửa mỏ Mangan Đ trong thời gian 08 tháng, kể từ ngày 17/01/2020. Đến ngày 24/9/2020, Sở T tỉnh Hà Giang đã chủ trì kiểm tra kết quả đóng cửa mỏ của Công ty L nhưng do chưa đạt yêu cầu nên đã yêu cầu tiếp tục thực hiện và hoàn thành trước 25/11/2020. Tuy nhiên, đến thời điểm cơ quan điều tra khởi tố điều tra vụ án Công ty L vẫn chưa thực hiện xong các hạng mục đóng cửa mỏ theo đề án đã được phê duyệt.

Hành vi khai thác khoáng sản trái phép của các bị cáo được thực hiện như sau:

Trong thời gian từ năm 2010 đến tháng 5 năm 2021, bị cáo Trần Văn P lái xe cho Công ty L nên biết mỏ quặng Mangan tại thôn B, xã Đ, huyện B của Công ty L đã hết niên hạn khai thác từ năm 2014 và đang trong giai đoạn thực hiện các hạng mục đóng cửa mỏ. Bị cáo P đã nảy sinh ý định khai thác tận thu lại số quặng xỉ tại các bãi thải của mỏ quặng Đ để kiếm lời. Khoảng tháng 5/2021, bị cáo P đã trao đổi với **Lê Khả C** (*Sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ 1, phường T, TP H, tỉnh Hà Giang*) là Phó Giám đốc Công ty L về việc muốn C cùng tham gia khai thác trái phép quặng Mangan tại mỏ Đ nhưng C không đồng ý trực tiếp tham gia, do có quan hệ thân thiết nên C có nói với P là “*Nếu P khai thác quặng mà cần gì thì C sẽ giúp*”.

Từ trước năm 2019, do quan hệ làm ăn bị cáo Lê Duy T đã nhiều lần vay tiền cho Nguyễn Văn Q để chi phí mua, sửa chữa phương tiện và chi cho hoạt động của Công ty, với tổng số tiền 03 tỷ đồng, nhưng do làm ăn thua lỗ nên Q không trả được cả gốc và lãi, do đó T thường xuyên đến Công ty của Q tìm hiểu việc làm ăn của Q để kịp thời thu nợ. Khoảng giữa tháng 6/2021, bị cáo T có giới thiệu C đến lái máy xúc thuê và sửa chữa máy cho Công ty V của Q.

Để tiếp tục việc thực hiện khai thác khoáng sản tại mỏ Đ, P đã nhờ Lê Duy T tìm và thuê các phương tiện, T giới thiệu đưa đến gặp Nguyễn Văn Q (BL2158-2159). Vào khoảng thời gian giữa tháng 6 năm 2021 (*Các bị cáo khai không nhớ ngày cụ thể*), bị cáo P đến trụ sở Công ty Cổ phần V (Công ty V); tại địa chỉ: Tổ 1, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hà Giang để bàn việc thuê phương tiện của Công ty Q sử dụng khai thác trái phép quặng tại mỏ Đ. Khi P đến Công ty của Q đã gặp Q, C (*Cđang lái xe thuê cho Q*), Thái (*đến Công ty của Q chơi*) và ông Đỗ Thanh T là Giám đốc Công ty V đang cùng chung trụ sở Công ty với Q; tại đây P và Q đã cùng nhau thỏa thuận thực hiện hành vi khai thác quặng trái phép tại mỏ Đ, cụ thể như sau:

Bị cáo P chịu trách nhiệm giải quyết nếu Công ty L phát hiện khai thác mỏ trái phép, được hưởng 50% lợi nhuận, trong đó P sẽ chia cho C 05% lợi nhuận;

Bị cáo Q có trách nhiệm thuê các phương tiện máy móc, ứng tiền nhân công, chi phí khác...phục vụ cho quá trình khai thác quặng, được hưởng 50% lợi nhuận;

Sau khi thỏa thuận xong, P thuê bị cáo C là người tổ chức việc khai thác, điều hành phương tiện, quản lý vật tư, chấm công, tổng hợp khối lượng khai thác tại điểm mỏ, được hưởng 05% lợi nhuận.

Trước khi khai thác Q sửa giàn tuyến quặng (*Thời gian vào khoảng cuối tháng 6/2021*), sau đó Q chỉ đạo Chinh đưa giàn tuyến quặng vào lắp ráp tại Thôn B, xã Đ lắp đặt được khoảng 2 đến 3 ngày (*Khoảng ngày 25 hoặc 26/6/2021*) thì trạm biến áp hỏng, mất điện C đã gọi điện thông báo cho P để P nhờ Lê Khả C liên hệ với Điện lực B cho thợ xuống sửa, sau đó C đã liên hệ và gửi số điện thoại của cán bộ Điện lực huyện B cho P tự liên hệ việc sửa chữa điện. Quá trình các bị cáo sử dụng điện khai thác trái phép khoáng sản tại mỏ Đ, C có dặn P là phải kịp thời thanh toán tiền điện, nếu không kịp thời thanh toán hóa đơn tiền điện được chuyển về Công ty L thì Công ty sẽ biết việc khai thác quặng trái phép tại mỏ Đ. Sau khi sửa xong P đã thông báo để C ghi vào sổ với số tiền chi phí sửa chữa là 07 triệu đồng, khi giàn tuyến quặng vận hành được thì P đã thuê C quản lý và điều hành hoạt động khai thác quặng Mangan tại mỏ Đ.

P giao cho C tìm người địa phương sinh sống tại khu vực mỏ Đ để thuê làm công nhân rửa quặng; P giao cho ông **Bùi Đức T** (*Nơi cư trú: Tổ 1, Phường N, thành Phố H; nguyên là bảo vệ mỏ của Công ty L*) thường xuyên có mặt tại khu vực mỏ Đ, chỉ vị trí có quặng để C chỉ đạo lái xe điều khiển các phương tiện khai thác quặng.

Khoảng cuối tháng 9/2021, P có nhờ C giúp liên hệ nâng cấp trạm biến áp P chuyển cho C 50.000.000đ để liên hệ với Điện lực B nâng cấp trạm biến thế mỏ Đ, nhưng do dự toán khoảng 300 triệu nên P bảo chưa lo được tiền và chưa làm được, do đó số tiền 50 triệu trên C đã trả lại P.

Các phương tiện do Q bố trí đưa đến mỏ để khai thác, gồm: 05 (Năm) xe ô tô nhãn hiệu HOWO (Gồm: Xe Biển kiểm soát 23C - 039.75; Biển kiểm soát 23C - 039.52; Biển kiểm soát 23C - 038.51; Biển kiểm soát 23C - 039.25; Biển kiểm soát 23C-038.97); 01 Máy đào bánh xích nhãn hiệu KOMATSU PC450; 01 Máy đào bánh xích trên nắp máy có chữ HITACHI ZAIS 350 LC; 01 Máy xúc lật trên nắp máy có chữ LIUGONG ZL50CN, HẢI ÂU; 01 Máy xúc lật trên nắp máy có chữ LIUGONG ZL30E; 01 Máy đào bánh xích nhãn hiệu DAWOO - 300LCV. Toàn bộ các lái xe điều khiển phương tiện khai thác trên do Q thuê.

Sau khi sử dụng máy đào bánh xích, máy xúc lật mức được quặng sẽ chở bằng xe HOWO đến giàn tuyển quặng để tuyển, số quặng khai thác được chở bằng xe HOWO đến tập kết tại sân của Công ty V, tại tổ 1, thị trấn N, huyện V, Hà Giang. Các khoản chi phí trong quá trình khai thác từ tháng 7 đến tháng 8/2021 là do Q đầu tư.

Việc lập sổ sách theo dõi số lượng khai thác, chấm công lái xe, người rửa quặng, trực tiếp chi các khoản chi phí trong quá trình khai thác được giao cho C thực hiện. Sau khi ghi chép các khoản thu chi vào sổ, Q chỉ đạo C chụp ảnh gửi qua mạng Zalo để bà **Hoàng Ngọc L** (Sinh ngày 22/12/2000; nơi cư trú: Tổ 1, thị trấn V, huyện V, Hà Giang) là kế toán Công ty V (Do Q làm Giám đốc) tổng hợp báo cáo Q và thanh toán với P hàng tháng.

Đến tháng 9/2021, do P với Q không thống nhất được với nhau về các khoản chi phí, nguyên nhân là do các khoản chi phí lớn dẫn đến không có lợi nhuận (Thua lỗ) nên P đã giao cho T đầu tư toàn bộ các khoản chi phí khai thác quặng tại mỏ Đ từ tháng 9/2021 đồng thời cùng với C quản lý hoạt động khai thác khoáng sản tại mỏ Đ, với thỏa thuận P sẽ chia cho T 05% lợi nhuận.

Ngày 05/10/2021, Sở T tỉnh Hà Giang ban hành Giấy mời số 2839/STNMT - KSN về việc thông báo cho các cơ quan ban ngành (Sở C, Sở X, UBND huyện B, UBND xã Đ và Công ty L) tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện các hạng mục công trình theo đề án đóng cửa mỏ Đ và xem xét xử lý vi phạm đối với Công ty L (Nếu có), thời gian kiểm tra là ngày 12/10/2021. Lúc này tại mỏ Đ đang khai thác trái phép quặng nên C đã thông tin cho P biết và P đã nhờ C giúp làm thủ tục xin khai thác tận thu, C đồng ý và bảo với P tạm thời đưa cho C 150 triệu để C lo thủ tục xin khai thác tận thu. Thống nhất xong, P gọi điện thoại bàn bạc với T được T đồng ý, đồng thời T đưa tiền mặt cho P 90 triệu để đưa cho C và T bảo C chuyển khoản cho P khi C gọi thì P cho số tài khoản của C để C chuyển cho C 60 triệu (BL 2271), với tổng số tiền đưa cho C là 150 triệu đồng.

Ngày 06/10/2021, sau khi nhận 150 triệu đồng của P, Lê Khả C là Phó Giám đốc Công ty L đến phòng làm việc của ông Đặng Văn T là Phó Giám đốc Sở T xin lùi thời gian kiểm tra thực địa mỏ Đ, tại bàn uống nước trong phòng làm việc của ông T, C có đưa cho ông T 01 phong bì có in chữ Công ty L, bên trong có 50 triệu đồng, sau khi nhận tiền ông T đã hướng dẫn C làm văn bản xin lùi thời gian kiểm tra thực địa tại mỏ Đ. Sau đó C về Công ty tự soạn thảo Văn

bản số 116/BC-GTSL, ngày 07/10/2021, trong công văn có nội dung đề nghị xin lùi thời gian kiểm tra đến ngày 15/11/2021 và nêu: “...Đối với số quặng sơ tuyển còn lại hiện nay Công ty đang tiến hành tuyển lại để vận chuyển ra khỏi khu vực mỏ...sau Công ty sẽ có văn bản báo cáo về việc thực hiện đề án...”.

Đến ngày 08/10/2021, ông T ký văn bản số 2885/STNMT - KSN thông báo đến các ngành và Công ty L về việc hoãn kiểm tra theo Giấy mời số 2839 đồng thời yêu cầu Công ty L giải trình lý do nguyên nhân chưa thực hiện xong đề án đóng cửa mỏ Đ; giải pháp thực hiện trong thời gian tới gửi đến UBND tỉnh và Sở T, trước ngày 15/10/2021.

Về số quặng mà các bị cáo đã khai thác được sau khi tập kết về sân của Công ty V, Q đã liên hệ bán cho bà **Nguyễn Thị H** (Sinh 1980; nơi cư trú: Thành phố T, tỉnh Thái Nguyên) là Giám đốc Công ty T - Thái Nguyên, từ tháng 7 đến ngày 13/10/2021 với tổng khối lượng là **3.826** tấn quặng Mangan (Đã trừ thủy phân), tổng số tiền bán quặng là **3.576.965.836đ**. Khi thanh toán tiền bà H chuyển vào tài của Q số tiền là **1.578.132.000đ**. Q khai đã sử dụng để chi phí khai thác như thuê xe, nhân công, xăng dầu... và đưa cho P 100 triệu đồng vì trước đó P đã ứng trước chi phí vào mỏ Đ. Từ tháng 9/2021, Q và T đã thống nhất tiền bán quặng chuyển vào tài khoản của T nên bà H đã chuyển **2.350.000.000đ** vào tài khoản của T mà không nói cho P biết.

Toàn bộ số quặng bà H mua với Q đã bán cho ông **Lê Văn Đ** (Sinh ngày 05/7/1983; nơi cư trú: Tổ 10, Phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên) là Giám đốc Công ty P - Thái Nguyên, với giá tiền từ 1.000.000đ, đến 2.000.000đ/1 tấn, tùy thuộc vào chất lượng, việc mua bán không làm Hợp đồng, không có hóa đơn chứng từ (Ông Đ khai giao dịch bằng lời nói); sau khi mua số quặng trên ông Đ đã bán cho ông **K** nhà ở Đ Hà Nội (Số ĐT: 073.096.xxx) anh **B** nhà ở Hà Nội (Số ĐT 0913.735.xxx) và chị **D** ở huyện D, Hà Nam (Số ĐT: 0916.734.xxx);

1. Kết quả cân tịnh xác định khối lượng: Tang vật thu giữ tại hiện trường khai thác khoáng sản thuộc thôn B, xã Đ, huyện B và bãi tập kết khoáng sản của Công ty V, kết quả như sau:

- Ngày 15/10/2021, tiến hành cân tịnh khối lượng đồng vật nghi là Quặng tại bãi tập kết bãi tập kết khoáng sản của Công ty V, xác định tổng khối lượng là **633.350kg** (Sáu trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm năm mươi kilogam);

- Ngày 19/10/2021, cân tịnh khối lượng 03 đồng vật nghi là Quặng tại khu vực hiện trường khai thác khoáng sản thuộc thôn B, xã Đ, huyện B, xác định:

+ Đồng vật nghi là Quặng tại vị trí dưới hệ thống tuyển quặng là: **25.120kg** (Hai mươi năm nghìn, một trăm hai mươi kilogam);

+ Đồng vật nghi là Quặng gần hiện trường khai thác là **50.380kg** (Năm mươi nghìn, ba trăm tám mươi kilogam);

+ Đồng vật nghi là Quặng (dạng cục) gần hiện trường khai thác là **10.070kg** (Mười nghìn, không trăm bảy mươi kilogam);

- Tiến hành quy đổi 10m^3 (*Mười mét khối*) đồng vật nghi là Quặng thu giữ trên thùng xe ô tô 23C - 038.51 tại khu vực hiện trường khai thác, với khối lượng **13.120 kg** (*Mười ba nghìn, một trăm hai mươi kilo gam*);

2 .Kết quả trưng cầu giám định:

- Ngày 21/10/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra Quyết định trưng cầu giám định số 154/QĐ, trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giám định 05 (*năm*) mẫu vật (*Hỗn hợp màu đen nghi là quặng*) được thu giữ tại hiện trường (*Bãi khai thác khoáng sản thuộc thôn B, xã Đ, huyện B*) và bãi tập kết khoáng sản của Công ty V. Tại Kết luận giám định số 7814A/C09-P4, ngày 15/11/2021 và Kết luận giám định số 7814A/C09-P4, ngày 01/12/2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận: Toàn bộ 05 mẫu vật gửi giám định đều chứa quặng Mangan, sắt; Có hàm lượng %, cụ thể như sau:

STT	Vị trí thu mẫu Quặng (M)	Hàm lượng %	
		Mangan (Mn)	Sắt (Fe)
1	Đồng quặng có khối lượng 633.350kg tại bãi tập kết khoáng sản Công ty V (M1)	26,47	19,96
2	Đồng quặng có khối lượng 50.380kg, tại vị trí gần hiện trường khai thác quặng thôn B, xã Đ, huyện B (M2)	28,27	16,96
3	Đồng quặng (<i>dạng cục</i>) có khối lượng 10.070kg, tại vị trí gần hiện trường khai thác quặng thôn B, xã Đ, huyện B (M3)	37,43	5,41
4	Đồng quặng có khối lượng 25.120kg, tại vị trí dưới hệ thống tuyến quặng thôn B, xã Đ, huyện B (M4)	28,04	16,15
5	10m^3 (<i>Mười mét khối</i>) quặng được quy đổi thành 13.120 kg thu giữ trên thùng xe ô tô 23C - 038.51 tại khu vực hiện trường khai thác quặng thôn B, xã Đ, huyện B (M5)	1,52	2,65

- Ngày 31/12/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra Quyết định trưng cầu giám định số 183, trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang giám định 45 (*Bốn mươi năm*) tờ tiền Việt Nam = 12.328.000đ (*Mười hai triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn đồng*), trong đó: 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*) thu giữ của Bùi Duy C và 4.328.000đ (*Bốn triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn đồng*)

thu giữ của Nguyễn Văn Q. Tại Kết luận giám định số 28/KL-PC09, ngày 07/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận: 45 (Bốn mươi năm) tờ tiền Việt Nam trên đều là tiền thật.

3 .Kết quả định giá tài sản thu giữ:

Ngày 27/12/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã ban hành Yêu cầu định giá tài sản số 62, đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định trị giá của 04 (bốn) đồng quặng Mangan có tổng khối lượng là **718.920** kg; 10 m³ (mười mét khối) quặng được quy đổi thành **13.120** Kg; 05 (năm) xe ô tô nhãn hiệu HOWO; 05 (năm) máy đào bánh xích; 02 (hai) máy xúc lật và 01 (một) hệ thống máy tuyển quặng đã thu giữ trong quá trình điều tra. Tại bản kết luận định giá tài sản số: 05/KL-HĐĐTS, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B đã kết luận những tài sản, phương tiện trên có trị giá như sau:

STT	Tên tài sản định giá	Kết luận về giá tài sản của Hội đồng (đồng)
1	05 (năm) xe ô tô nhãn hiệu HOWO, loại xe tự đổ; Dung tích xi lanh: 9726 (đơn giá: 850.000.000 đồng/chiếc x 5 chiếc = 4.250.000.000 đồng).	4.250.000.000
2	01 (một) máy đào bánh xích nhãn hiệu KOMATSU PC 450-7EO, màu vàng cam, trên cánh cửa cabin có chữ GALEO.	1.200.000.000
3	01 (một) máy đào bánh xích nhãn hiệu DAEWOO-300LCV, màu vàng cam.	967.000.000
4	- 01 (một) máy đào bánh xích màu vàng cam, trên nắp máy có chữ KOMATSU PC200-6.	683.000.000
5	- 01 (một) máy đào bánh xích màu vàng cam, trên nắp máy có chữ HITACHI ZAXIS 200.	833.000.000
6	01 (một) máy đào bánh xích màu vàng cam, trên nắp máy có chữ HITACHI ZAXIS 350LC.	1.183.000.000
7	01 (một) máy xúc lật màu vàng cam, trên nắp máy có chữ LIUGONG ZL30E.	223.000.000
8	01 (một) máy xúc lật màu vàng cam, trên nắp máy có chữ LIUGONG ZL50NC.	337.000.000 VNĐ

9	01 (một) Hệ thống tuyến quặng, gồm các bộ phận liên kết với nhau, gồm: 06 đầu nghiền bằng sắt có đường kính $d = 0,6m$, có 02 hệ thống máng sắt (có trục xoắn) dẫn đến 02 bộ phận máy lọc, mỗi máy có gắn 03 ống sắt (đường kính ống $d = 0,35m$); hệ thống chân, bệ.	600.000.000
10	633.350 kg Quặng Loại có hàm lượng mangan là 26,47%, hàm lượng sắt là 19,96%.	633.350.000
11	25.120 kg Quặng Loại hàm lượng mangan là 28,07%, hàm lượng sắt là 16,15%.	25.120.000
12	50.380 kg Quặng Loại có hàm lượng mangan là 28,27%, hàm lượng sắt là 16,96%.	50.380.000
13	10.070 kg Quặng Loại có hàm lượng mangan là 37,43%, hàm lượng sắt là 5,41%	16.112.000
14	10 m ³ quặng được quy đổi thành 13.120 Kg Quặng Loại có hàm lượng mangan là 1,52%, hàm lượng sắt là 2,65%.	6.429.000
	Tổng cộng	11.007.391.000

(Mười một tỷ, không trăm linh bảy triệu, ba trăm chín mươi một nghìn đồng)

4. Vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT đã tạm giữ những vật chứng, gồm:

⁽⁰¹⁾ 01 (Một) Đồng quặng có khối lượng 633.350kg (*Sáu trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm năm mươi kilogam*), thu giữ tại bãi tập kết khoáng sản Công ty V;

⁽⁰²⁾ 01 (Một) Đồng quặng có khối lượng 25.120kg (*Hai mươi năm nghìn một trăm hai mươi kilogam*), thu giữ tại vị trí dưới hệ thống tuyến quặng thôn B, xã Đ, huyện B;

⁽⁰³⁾ 01 (Một) Đồng quặng có khối lượng 50.380kg (*Năm mươi nghìn ba trăm tám mươi kilogam*), thu giữ tại vị trí gần hiện trường khai thác quặng thôn B, xã Đ, huyện B;

⁽⁰⁴⁾ 01 (Một) Đồng quặng có khối lượng 10.070kg (*Mười nghìn không trăm bảy mươi kilogam*), thu giữ tại vị trí gần hiện trường khai thác quặng thôn B, xã Đ, huyện B;

⁽⁰⁵⁾ 10m³ (Mười mét khối) quặng được quy đổi thành 13.120 kg thu giữ trên thùng xe ô tô 23C - 038.51 tại khu vực hiện trường khai thác quặng thôn B, xã Đ, huyện B;

⁽⁰⁶⁾ 01 (Một) Xe ô tô, nhãn hiệu HOWO, màu sơn xanh, Biển kiểm soát 23C-039.75, xe cũ đã qua sử dụng;

⁽⁰⁷⁾ 01 (Một) Xe ô tô, nhãn hiệu HOWO, màu sơn xanh, Biển kiểm soát 23C-039.52, xe cũ đã qua sử dụng;

⁽⁰⁸⁾ 01 (Một) Xe ô tô, nhãn hiệu HOWO, màu sơn xanh, Biển kiểm soát 23C-038.51, xe cũ đã qua sử dụng;

⁽⁰⁹⁾ 01 (Một) Xe ô tô, nhãn hiệu HOWO, màu sơn xanh, Biển kiểm soát 23C-039.25, xe cũ đã qua sử dụng;

⁽¹⁰⁾ 01 (Một) Xe ô tô, nhãn hiệu HOWO, màu sơn xanh, Biển kiểm soát 23C-038.97, xe cũ đã qua sử dụng;

⁽¹¹⁾ 01 (Một) Máy đào bánh xích, màu vàng cam, nhãn hiệu KOMATSU PC450, trên cánh cửa cabin có chữ GALEO, trên nắp máy có nhiều chữ nước ngoài, máy cũ đã qua sử dụng;

⁽¹²⁾ 01 (Một) Máy đào bánh xích, màu vàng cam, nhãn hiệu DAWOO - 300LCV, máy cũ đã qua sử dụng;

⁽¹³⁾ 01 (Một) Máy đào bánh xích, màu vàng cam, trên nắp máy có chữ KOMATSU PC200, máy cũ đã qua sử dụng;

⁽¹⁴⁾ 01 (Một) Máy đào bánh xích, màu vàng cam, trên nắp máy có chữ HITACHI - ZAXIS 200, máy cũ đã qua sử dụng;

⁽¹⁵⁾ 01 (Một) Máy cuốc đào bánh xích, màu vàng cam, trên nắp máy có chữ HITACHI - ZAXIS 350 LC, máy cũ đã qua sử dụng;

⁽¹⁶⁾ 01 (Một) Máy xúc lật, màu vàng cam, trên máy có chữ LIUGONG ZL30E, máy cũ đã qua sử dụng;

⁽¹⁷⁾ 01 (Một) Máy xúc lật, màu vàng cam, trên nắp máy có chữ LIUGONG ZL50CN, HẢI ÂU, máy cũ đã qua sử dụng;

⁽¹⁸⁾ 01 (Một) Hệ thống máy tuyển quặng bằng kim loại, gồm nhiều bộ phận máy móc kết nối với nhau, máy cũ đã qua sử dụng;

⁽¹⁹⁾ 01 (Một) xe ô tô nhãn hiệu Lexus, số loại 570, màu sơn ghi, số máy 3UR3013255, số khung 00W184003877, Biển kiểm soát 30E - 322.23, xe cũ đã qua sử dụng, tạm giữ của Nguyễn Văn Q;

⁽²⁰⁾ 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 498932, tên chủ xe Đỗ Thanh T, biển số đăng ký 30E - 322.23;

⁽²¹⁾ 01 (Một) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 7835179;

⁽²²⁾ 01 (Một) Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số 21BB210531331.

⁽²³⁾ 01 (Một) phong bì đã được niêm phong chứa số tiền 4.328.000đ (Bốn triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn đồng) thu giữ của Nguyễn Văn Q;

⁽²⁴⁾ 01 (Một) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu đen, vỏ ngoài có ghi IMEI: 353515/13/105016/3, có gắn 01 sim VIETTEL, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, thu giữ của Nguyễn Văn Q.

⁽²⁵⁾ 01 (Một) vòng đeo tay bằng đá, nhiều màu sắc, vòng cũ, đã qua sử dụng, thu giữ của Nguyễn Văn Q.

⁽²⁶⁾ 01 (Một) Chứng minh nhân dân số 13623388 mang tên Nguyễn Văn Q.

⁽²⁷⁾ 01 (Một) phong bì đã được niêm phong chứa số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) thu giữ của Bùi Duy C;

⁽²⁸⁾ 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE 7, màu trắng bạc, có ốp lưng phía sau, gắn 01 sim VIETTEL, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, thu giữ của Bùi Duy C.

⁽²⁹⁾ 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS, màu hồng, có ốp lưng phía sau, gắn 01 sim VIETTEL, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, thu giữ của Bùi Duy C.

⁽³⁰⁾ 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng đồng, nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, thu giữ của Hoàng Ngọc L;

⁽³¹⁾ 01 (Một) máy tính xách tay màu đen, nhãn hiệu ASUS, máy tính cũ, đã qua sử dụng, thu giữ của Hoàng Ngọc L;

⁽³²⁾ 04 (Bốn) hóa đơn Giá trị gia tăng số 0000064, ngày 18/9/2021 của Công ty V (Bản phô tô);

⁽³³⁾ 08 (Tám) hóa đơn Giá trị gia tăng số 0000065, ngày 22/9/2021 của Công ty V (Bản phô tô);

⁽³⁴⁾ 01 (Một) bản thanh toán tiền lương tháng 7/2021 của Công ty (Bản phô tô);

⁽³⁵⁾ 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, mặt sau màu vàng đồng, nhãn hiệu IPHONE 12, gắn ốp nhựa có viền màu xanh, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, thu giữ của **Lê Khả C**; gắn 01 sim VINAPHONE.

5. Về vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 08 ngày 20/4/2022 (BL 1361) như sau:

- Trả lại cho ông Trần Văn Điệp 01 Máy đào bánh xích, màu vàng cam, trên nắp máy có chữ KOMATSU PC200, máy cũ đã qua sử dụng, theo Biên bản định giá trị giá 683.000.000đ ;

- Trả lại cho ông Bùi Đức Q 01 Máy đào bánh xích, màu vàng cam, trên nắp máy có chữ HITACHI - ZAXIS 200, máy cũ đã qua sử dụng, theo Biên bản định giá trị giá 833.000.000đ;

- Trả lại cho ông Nguyễn Chí Đ 01 xe ô tô nhãn hiệu Lexus, số loại 570, màu sơn ghi, số máy 3UR3013255, số khung 00W184003877, Biển kiểm soát 30E - 322.23, xe cũ đã qua sử dụng.

Căn cứ Quyết định xử lý vật chứng số 11 ngày 23/6/2022. (BL 2552) của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang: Trả lại cho Nguyễn Văn Q 01 vòng đeo tay bằng đá nhiều màu sắc, cũ, đã qua sử dụng và 01 Chứng minh thư nhân dân số 13623388 mang tên Nguyễn Văn Q.

6. Các bị cáo đã nộp số tiền thu lợi bất chính và tiền đầu tư vào việc thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án là 2.200.000.000đ, trong đó: Tại Cơ quan điều tra, tổng số tiền là **2.000.000.000** đồng (Lê Duy T nộp số tiền là 1.250.000.000đ, Nguyễn Văn Q 600.000.000đ, Trần Văn P 50.000.000đ; Lê Khả C 100.000.000đ) tại Viện kiểm sát tỉnh vào ngày 18/7/2022 (Nguyễn Văn Q nộp 100.000.000đ, Lê Duy T nộp 100.000.000đ).

7. Vật chứng chuyển sang Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang:

7.1. Toàn bộ số quặng thu giữ là **732.040kg** (Trong đó thu tại Công ty V có khối lượng 633.350kg; thu giữ tại mỏ Mangan Đ, khối lượng 98.690kg).

7.2. Vật chứng là phương tiện, đồ vật, tài sản tạm giữ: 01 giàn hệ thống tuyển quặng; 01 Xe ô tô nhãn hiệu HOWO, Biển kiểm soát 23C - 039.75; 01 Xe ô tô nhãn hiệu HOWO, Biển kiểm soát 23C - 039.52; 01 Xe ô tô nhãn hiệu HOWO, Biển kiểm soát 23C - 038.51; 01 Xe ô tô nhãn hiệu HOWO, Biển kiểm soát 23C - 039.25; 01 Xe ô tô nhãn hiệu HOWO, Biển kiểm soát 23C - 038.97; 01 Máy đào bánh xích nhãn hiệu KOMATSU PC 450; 01 Máy đào bánh xích trên nắp máy có chữ HITACHI ZAIS 350 LC; 01 Máy xúc lật trên nắp máy có chữ LIUGONG ZL50CN, HẢI ÂU; 01 Máy xúc lật trên nắp máy có chữ LIUGONG ZL30E; 01 Máy đào bánh xích nhãn hiệu DAWOO - 300LCV;

Tiền ngân hàng Việt Nam: 4.328.000đ (Bốn triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn đồng), tạm giữ của Nguyễn Văn Q và 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG.

7.3. Đồ vật tạm giữ của **Hoàng Ngọc L** - Kê toán: 01 điện thoại di động IPHONE 7 Plus; 01 USB; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS màu đen.

7.4. Đồ vật, tài sản tạm giữ của **Bùi Duy C**: 01 điện thoại di động IPHONE 7 Plus màu hồng; 01 điện thoại di động IPHONE 7 màu trắng bạc và Tiền ngân hàng Việt Nam: 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

7.5. Đối với 01 máy xúc lật màu vàng trên máy có ghi chữ LIUGONG ZL30E máy cũ đã qua sử dụng, do cơ quan CSĐT Công an huyện B tạm giữ ngày 08/12/2021, tại Công ty V. Kết quả điều tra xác định: Chiếc máy trên do Q mua về để sửa chữa, nhưng bị thiếu linh kiện máy không hoạt động được, không sử dụng làm phương tiện phạm tội, do đó cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

7.6. Tổng số tiền các bị cáo đã nộp là **2.200.000.000đ** (Hai tỷ hai trăm triệu đồng).

7.7. Riêng đồ vật tạm giữ 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, mặt sau màu vàng đồng, nhãn hiệu IPHONE 12, gắn ốp nhựa có viền màu xanh, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, thu giữ của **Lê Khả C**; gắn 01 sim VINAPHONE (Cơ quan điều tra xác định vật chứng trên có liên quan đến vụ Nhận hối lộ, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Giang đã khởi tố vụ án, do đó Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ phục vụ cho hoạt động điều tra).

Từ nội dung trên, Cáo trạng số 19/CT-VKSHG-P1, ngày 19/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Văn Q, Bùi Duy C, Lê Duy T, Lê Khả C về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Văn Q, Bùi Duy C, Lê Duy T, Lê Khả C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội: Từ tháng 7/2021 đến ngày 13/10/2021, các bị cáo đã thực hiện hành vi khai thác trái phép quặng Mangan tại mỏ Đ thuộc địa phận thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác, tổng số khoáng sản (quặng Mangan) các bị cáo đã khai thác trái phép là **4.558.040kg** (trong đó đã bán cho bà Nguyễn Thị H 3.826.000 kg = 3.576.965.836đ; còn lại chưa bán là 732.040kg). Các bị cáo P, Q, T đều trình bày quá trình khai thác quặng trái phép, các bị cáo mới bỏ tiền đầu tư để chi phí khai thác, chưa thu được lợi nhuận, tổng hợp các khoản chi phí đến khi bị bắt vẫn còn bị thua lỗ số tiền khoảng 500.000.000đ.

Bị cáo **Lê Khả C khai nhận**: Trong quá trình khai thác trái phép quặng Mangan tại mỏ Đ; C đã bảo P hàng tháng phải kịp thời thanh toán tiền điện, không để điện lực thông báo về Công ty L vì nếu hoá đơn gửi về Công ty L sẽ phát hiện việc khai thác quặng; Tháng 7/2021, giúp P tìm người sửa đường dây điện, dự toán nâng cấp trạm biến áp; ngoài ra C khai: Để P và các bị cáo khác khai thác quặng trái phép được thêm thời gian, P có nhờ C liên hệ với Sở T tỉnh để xin lùi lại thời hạn kiểm tra thực địa mỏ Đ tâm và xin Giấy khai thác tận thu, C đồng ý giúp P; C yêu cầu P đưa cho C 150 triệu để chi phí giúp P. C tự ý soạn thảo Công văn số 116/BC-GTSL ngày 7/10/2021 gửi Sở T tỉnh để xin xin lùi lại thời hạn kiểm tra thực địa mỏ Đ, C đã gặp ông T đưa cho ông T 50.000.000đ, số tiền còn lại 100.000.000đ, C chưa kịp xin Giấy khai thác tận thu thì việc khai thác quặng trái phép của các bị cáo đã bị phát hiện nên C nộp lại cho Cơ quan điều tra. Việc các bị cáo khai thác tại mỏ Đ C đã không thông báo cho Giám đốc Công ty L biết.

Các bị cáo nhất trí với nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”; nhất trí với Kết luận giám định khoáng sản các bị cáo khai thác trái phép có hàm lượng mangan và hàm lượng sắt. Bị cáo Q nhất trí với kết luận định giá các vật chứng đã thu giữ của Công ty V và máy móc bị cáo đi thuê để sử dụng thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo không bổ sung thêm nội dung.

Nguyên đơn dân sự, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang: Đại diện theo uỷ quyền, ông Trương Huy H, Giám đốc Sở T: Các bị cáo thực hiện hành vi khai

thác khoáng sản tại mỏ Đ, huyện B không được Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép là vi phạm pháp luật; nhất trí với kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản số quặng thu giữ của các bị cáo đã khai thác trái phép tại thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; đề nghị tịch thu toàn bộ số lượng khoáng sản đã thu giữ, số tiền các bị cáo bán khoáng sản thu lợi bất chính có được để nộp sung ngân sách Nhà nước; đề nghị trả mặt bằng mỏ tại Đ cho UBND tỉnh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, đại diện theo ủy quyền, ông Nguyễn Văn T, trình bày: Công ty V có thể chấp 05 chiếc xe ô tô tại Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp từ năm 2017, tính cả gốc và lãi đến tại thời điểm ngày 6/7/2022 số tiền nợ Ngân hàng trên 3,9 tỷ đồng; hiện nay Công ty đã thanh toán xong các khoản nợ của Ngân hàng và Ngân hàng đã trả lại toàn bộ Giấy tờ đăng ký xe ô tô cho Công ty, không còn vướng mắc gì; do đó Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam không có yêu cầu gì đối với Công ty V cũng như đối với bị cáo Q.

- Công ty V, ông Đặng Xuân T, ông Hoàng Văn V, thành viên cổ đông trình bày: Số Phương tiện bị thu giữ do Q đưa từ Công ty V xuống Mỏ Đ khai thác khoáng sản trái phép khi chưa được sự đồng ý của các cổ đông trong Công ty, Q cũng không thông báo cho các cổ đông biết. Sau khi ông T, ông V nhận được Thông báo của Ngân hàng, do lo sợ Ngân hàng sẽ bán đấu giá tài sản để thu hồi nợ, các ông đã đi vay mượn tiền để nộp số tiền gần 4 tỷ đồng để lấy lại 05 chiếc xe ô tô phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty; để đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông đối với tài sản đồng sở hữu, đảm bảo tiền lương cho các công nhân và các cổ đông, Công ty không lâm vào tình trạng giải thể hoặc phá sản; đề nghị xin lại số tài sản đang bị tạm giữ để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

- Anh Đỗ Phúc H, trình bày: Thời gian tháng 6 năm 2021, anh có cho bị cáo Q thuê 02 chiếc máy, trong đó: 01 máy xúc lật màu vàng cam, trên nắp máy có chữ LIUGONG ZL30E và 01 máy đào bánh xích nhãn hiệu DAEWOO-300LCV, màu vàng cam; việc bị cáo Q sử dụng 02 chiếc máy của ông cho Q thuê để thực hiện hành vi phạm tội anh H không biết; sau khi sự việc xảy ra, bị cáo Q bị tạm giam nên anh không liên lạc được với Q; khi Q được tại ngoại thì anh có liên hệ với Q và được biết Cơ quan điều tra đã thu giữ 02 chiếc máy này; nên anh đã làm đơn và gửi các tài liệu hợp đồng thuê máy, biên bản giao nhận máy giữa anh với bị cáo Q đến Tòa án, anh đề nghị trả lại 02 chiếc máy trên cho anh. Tại phiên tòa anh H có cung cấp bổ sung giấy mua bán viết tay 02 chiếc máy trên giữa anh với ông T, có người làm chứng là vợ của ông T, không có công chứng, chứng thực hoặc xác nhận của chính quyền địa phương.

Những người làm chứng tại phiên tòa đều trình bày: Việc những người này làm thuê tại mỏ Đ thực hiện các nhiệm vụ về điều hành máy xúc, máy đào, chở quặng, đãi quặng, bảo vệ Công ty và khu Mỏ Đ đều không biết các bị cáo thực hiện khai thác khoáng sản trái phép; nếu biết thì họ sẽ không làm thuê;

đồng thời những người làm chứng đều thừa nhận đã được nhận tiền công tháng 7,8,9; một số người chưa được nhận tiền công tháng 9; còn lại tiền công tháng 10 chưa ai được nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa: Đưa ra các chứng cứ tài liệu luận tội các bị cáo, phân tích về tính chất vụ án, mức độ, vai trò thực hiện hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, giữ nguyên nội dung truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Văn Q, Bùi Duy C, Lê Duy T, Lê Khả C phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Văn Q, Bùi Duy C, Lê Khả C;

+ Xử phạt bị cáo Trần Văn P từ 9 đến 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 23/11/2021;

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 07 đến 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23/11/2021 đến ngày 23/6/2022;

+ Xử phạt bị cáo Bùi Duy C từ 9 đến 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 23/11/2021;

+ Xử phạt bị cáo Lê Khả C từ 06 đến 07 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/4/2022;

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, khoản 1 Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Duy T; xử phạt bị cáo Lê Duy T từ 6 đến 7 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 đến 14 tháng.

- Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 227 Bộ luật Hình sự; xử phạt các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Văn Q, Lê Duy T mỗi bị cáo số tiền 50.000.000đ.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

* Tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền, vật các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội và thu lợi bất chính, vật do phạm tội mà có:

- Số tiền **2.200.000.000đ**, trong đó: Bị cáo Q 700.000.000đ, bị cáo T 1.350.000.000đ, bị cáo P 50.000.000đ, bị cáo C 100.000.000đ.

- Số tiền 8.000.000đ thu giữ của bị cáo Bùi Duy C.

- 732.040 kg quặng (Trong đó thu tại Công ty V có khối lượng 633.350kg; thu giữ tại mỏ Mangan Đ, khối lượng 98.690kg); chưa tính tỷ lệ hao hụt.

- 01 (một) Hệ thống tuyến quặng, gồm các bộ phận liên kết với nhau, gồm: 06 đầu nghiền bằng sắt có đường kính d= 0,6m , có 02 hệ thống máng sắt (có trục xoắn) dẫn đến 02 bộ phận máy lọc, mỗi máy có gắn 03 ống sắt (đường kính ống d= 0,35m); hệ thống chân, bệ;

- 01 điện thoại di động IPHONE 7 Plus màu hồng thu giữ của bị cáo Bùi Duy Chinh;

- 01 điện thoại di động IPHONE 7 màu trắng bạc thu giữ của bị cáo Bùi Duy Chinh.

* Tuyên truy thu số tiền các bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội và thu lợi bất chính số tiền **1.376.965.836đ**; trong đó:

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Văn Q số tiền 878.132.000đ;

- Truy thu của bị cáo Lê Duy T số tiền 498.833.836đ;

* Tuyên trả lại tài sản, tiền, vật không liên quan đến hành vi phạm tội và tài sản bị cáo Nguyễn Văn Q sử dụng của Công ty V:

- Trả lại cho Công ty V 05 chiếc xe ô tô nhãn hiệu HOWO, Biển kiểm soát 23C - 039.75, 23C - 039.52, 23C - 038.51, 23C - 039.25, 23C - 038.97.

- Trả lại cho Công ty V 01 (một) máy đào bánh xích nhãn hiệu KOMATSU PC 450-7EO, màu vàng cam, trên cánh cửa cabin có chữ GALEO; 01 (một) máy đào bánh xích màu vàng cam, trên nắp máy có chữ HITACHI ZAXIS 350LC; 01 (một) máy xúc lật màu vàng cam, trên nắp máy có chữ LIUGONG ZL50 NC.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q 01 điện thoại loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG, có gắn 01 sim VIETTEL.

- Trả lại cho chị Hoàng Ngọc L: 01 điện thoại di động IPHONE 7 Plus; 01 USB; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS màu đen.

* Tuyên tạm giữ vật, tiền để đảm bảo Thi hành án:

- Tạm giữ số tiền 4.328.000đ thu giữ của bị cáo Q;

* Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý 01 (một) máy đào bánh xích nhãn hiệu DAEWOO-300LCV, màu vàng cam; 01 (một) máy xúc lật màu vàng cam, trên nắp máy có chữ LIUGONG ZL30E anh Đỗ Phúc H xuất trình tài liệu chứng cứ xin lại 02 chiếc máy trên theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận: Bị cáo Nguyễn Văn Q và Lê Duy T không nhất trí đề nghị tịch thu số tiền 2.050.000.000đ các bị cáo đã nộp và truy thu của các bị cáo số tiền 1.376.965.836đ với lý do, trong vụ án này có 5 bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội; do đó cần phải chia đều cho 05 bị cáo phải chịu ngang bằng nhau về số tiền thu lợi bất chính. Bị cáo Q không nhất trí tịch thu 02 chiếc máy bị cáo thuê của anh H. Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhất trí với đề nghị xử về lý vật chứng của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Việc tuyên tịch thu, truy thu đối với số tiền các bị cáo Q, T đã đầu tư vào để thực hiện hành vi phạm tội khai thác khoáng sản trái phép và các bị cáo đã bán quặng được bà H chuyển vào tài khoản của Q và T là tiền thu lợi bất chính nên cần phải tịch thu và truy thu sung vào ngân sách Nhà nước; bị cáo P được bị cáo Q đưa 50.000.000đ vay tiền của T (*nâng cấp trạm biến áp nhưng chưa thực hiện được*), bị cáo C nhận 150.000.000đ của T và C đã sử dụng, còn lại 100.000.000đ bị cáo C (*đã nộp lại cho CQĐT*), nguồn gốc tiền 150.000.000đ của T nên T sẽ được trừ vào số tiền còn phải khắc phục.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đã biết hành vi phạm tội của các bị cáo là vi phạm pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo mức án thấp nhất để các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân tỉnh Hà Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt một số người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; xét thấy những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định tiếp tục tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về tội danh và định khung hình phạt: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội; lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố (*Trần Văn P BL 2150-2200 và 2493-2505; Nguyễn Văn Q BL 2201-2237 và 2455-2470; Bùi Duy C BL 2238-2282 và 2472-2481; Lê Duy T BL 2283-2338 và 2483-2491; Lê Khả C BL 2507-2534*); Kết luận giám định (*BL 1459-1460*); Kết luận định giá tài sản (*BL 1491-1492*); lời khai của những người làm chứng (phù hợp về mặt thời gian, địa điểm, số tiền và vật chứng các bị cáo sử dụng vào đầu tư khai thác quặng trái phép, số tiền các bị cáo nhận được từ việc bán quặng); Biên bản sự việc các hoạt động khai thác khoáng sản, tại hiện trường phát hiện *Bùi Duy C, Vi Văn Nhân N, Lý Văn O* đang có hành vi khai thác trái phép tài nguyên khoáng sản (*quặng*

Mangan) vào hồi 15 giờ ngày 13/10/2021 cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. **Có đủ cơ sở kết luận:** Từ tháng 7/2021 đến ngày 13/10/2021, các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Văn Q, Bùi Duy C, Lê Duy T, Lê Khả C đã cùng nhau thực hiện hành vi khai thác trái phép quặng Mangan tại mỏ Đ thuộc địa phận thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản; tổng số khoáng sản (*quặng Mangan*) mà các bị cáo đã khai thác trái phép là **4.558.040 kg** (*trong đó các bị cáo đã bán cho bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Tổ x, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên số lượng 3.826.000 kg = 3.576.965.836đ; còn lại chưa bán là 732.040 kg*).

[4] Các bị cáo đều là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc khai thác khoáng sản là phải được Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thì mới được khai thác; song vì động cơ vụ lợi, các bị cáo đã bất chấp pháp luật; cùng nhau thực hiện hành vi khai thác khoáng sản (*quặng Mangan*) trái phép với số lượng **4.558.040kg**; thu lợi từ việc bán khoáng sản số tiền là **3.576.965.836đ**. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên, gây hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến dư luận xã hội. Hành vi của các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Văn Q, Bùi Duy C, Lê Duy T, Lê Khả C đã phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự, với tình tiết định khung tăng nặng hình phạt “*Thu lợi bất chính từ khai thác tài nguyên nước hoặc khoáng sản khác 500.000.000 đồng trở lên*”; có khung hình phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

[5] Về vai trò của các bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội:

[5.1] Bị cáo Trần Văn P - Nguyên là lái xe Công ty L, nên biết mỏ Đ đã hết hạn khai thác, nhưng vì động cơ vụ lợi từ cuối tháng 6/2021 bị cáo đã thỏa thuận với bị cáo Q để Q đưa phương tiện và đầu tư tiền chi phí khai thác để cùng nhau khai thác trái phép quặng Mangan tại mỏ Đ, bị cáo được hưởng 50% lợi nhuận; đồng thời thuê bị cáo C quản lý khai thác tại mỏ và hứa chia cho C 05% lợi nhuận. Do bất đồng quan điểm với Q về các khoản chi phí khai thác nên từ tháng 9/2021 đến khi bị bắt ngày 13/10/2021, P đã giao cho T đầu tư chi phí khai thác trái phép quặng Mangan tại mỏ Đ và hứa sẽ chia cho T 05% lợi nhuận. Là người liên hệ với Lê Khả C kết nối, sửa đường điện để có điện phục vụ cho việc khai thác quặng trái phép; nhờ C xin Giấy phép gia hạn thời hạn kiểm tra tại mỏ quặng và Giấy phép tận thu quặng để có thời gian tiếp tục khai thác khoáng sản trái phép. Là người chỉ đạo T và C giao tiền cho C để lo thủ tục khai thác khoáng sản. Do đó bị cáo được xác định là người khởi xướng, thực hiện tích cực nhất trong vụ án.

[5.2] Bị cáo Nguyễn Văn Q đã bàn bạc cùng với P thuê các phương tiện để phục vụ khai thác quặng trái phép; sau đó bị cáo đã sử dụng các phương tiện của Công ty V và thuê thêm một số phương tiện bên ngoài để cùng P khai thác trái phép quặng tại mỏ Đ; trong thời gian tháng 7 và tháng 8/2021, bị cáo đã đầu tư các khoản chi phí khai thác tại mỏ Đ; sau đó Q đã liên hệ bán cho bà H với tổng

khối lượng là **3.826** tấn quặng Mangan (*Đã trừ thủy phân*), tổng số tiền bán quặng là **3.576.965.836đ**. Khi thanh toán tiền bà H đã chuyển vào tài khoản của Q số tiền là **1.578.132.000đ**. Từ tháng 9/2021, Q không trực tiếp thực hiện việc khai thác khoáng sản cùng với Phụng, nhưng Quân và Thái đã thống nhất dùng tiền bán quặng chuyển vào tài khoản của T để trả nợ số tiền Q vay của T 3 tỷ đồng, nên bà H đã chuyển **2.350.000.000đ** vào tài khoản của T và T được nhận số tiền từ việc bán Quặng là **1.998.833.836đ**, bà H chuyển thừa so với số quặng bà H được nhận số tiền là 351.166.164đ. Vì vậy, Q được xác định với vai trò đồng phạm là người giúp sức về phương tiện, vật chất, giao dịch tiêu thụ quặng khai thác trái phép.

[5.3] Bị cáo Bùi Duy C biết P và Q thực hiện việc khai thác quặng Mangan tại mỏ Đ là trái phép. Tuy nhiên, khi được P thuê tổ chức khai thác quặng Mangan tại mỏ Đ trái phép, C đã rất tích cực thực hiện; toàn bộ các hoạt động khai thác quặng trái phép tại mỏ Đ, C là người điều hành chính; trực tiếp ở tại mỏ để tìm thuê nhân công, điều hành phương tiện khai thác tại mỏ, điều hành nhân công; nhận tiền từ Q, T để chi phí trong việc khai thác, cấp phát dầu cho các phương tiện và ghi chép toàn bộ các chi phí khai thác quặng trái phép; thực hiện chỉ đạo từ P đưa cho C số tiền 60.000.000đ để C lo thủ tục khai thác quặng; (*Ngày 22/9/2021, bản thân bị cáo C đã ký vào biên bản đình chỉ hoạt động khai thác quặng trái phép tại mỏ Đ của UBND và Công an xã Đ*) nhưng C đã không dừng lại mà vẫn tiếp tục cố tình thực hiện chỉ đạo các nhân công khai thác khoáng sản trái phép. Bị cáo được xác định với vai trò đồng phạm là người thực hành tích cực nhất trong việc khai thác khoáng sản trái phép từ giai đoạn đầu đến khi bị phát hiện.

[5.4] Bị cáo Lê Khả C là Phó Giám đốc Công ty L: Nhận thức được khu vực khai thác khoáng sản tại thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang, Công ty L, được cấp phép khai thác mỏ Mangan Đ đến hết ngày 24/11/2014; UBND tỉnh Hà Giang thông báo chấm dứt hiệu lực giấy phép khai thác khoáng sản đối với Công ty L, UBND tỉnh phê duyệt đề án đóng cửa mỏ ngày 17/01/2020. Đến ngày 24/9/2020, Sở T tỉnh Hà Giang đã chủ trì kiểm tra kết quả đóng cửa mỏ của Công ty L nhưng do chưa đạt yêu cầu nên đã yêu cầu tiếp tục thực hiện và hoàn thành trước 25/11/2020. Do đó, bị cáo nhận thức được các bị cáo khai thác khoáng sản tại mỏ Đ là trái phép; tuy nhiên bị cáo đã tích cực giúp sức cho các bị cáo P, Q, C, T ngay từ giai đoạn đầu trong quá trình khai thác khoáng sản tại mỏ Đ hứa hẹn với P "*Nếu P khai thác quặng mà cần gì thì C sẽ giúp*". Để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng, C đã bảo P hàng tháng phải kịp thời thanh toán tiền điện, không để điện lực thông báo về Công ty L vì nếu hoá đơn gửi về Công ty L sẽ bị phát hiện việc khai thác quặng; tháng 7/2021, giúp P gọi điện cho cán bộ điện lực B vào sửa điện, dự toán nâng cấp trạm biến áp để các bị cáo có đủ điện khai thác quặng trái phép. Sau khi bị cáo C bị lập biên bản đình chỉ hoạt động khai thác quặng trái phép tại mỏ Đ của UBND và Công an xã Đ, C đã hứa hẹn với P liên hệ với Sở T tỉnh để xin lùi lại thời hạn kiểm tra thực địa mỏ Đ

và xin khai thác tận thu để các bị cáo tiếp tục thực hiện khai thác khoáng sản trái phép; nhận số tiền 150 triệu đồng từ C và T để giúp P lo các thủ tục cấp phép khai thác khoáng sản. C tự ý soạn thảo Công văn số 116/BC-GTSL ngày 07/10/2021 đứng tên với tư cách Công ty L để gửi Sở T tỉnh. Nên bị cáo được xác định với vai trò đồng phạm là người giúp sức tích cực về mặt tinh thần làm động lực cho các bị cáo khác yên tâm trong suốt quá trình thực hiện khai thác khoáng sản và tiếp tục khai thác khoáng sản trái phép.

[5.5] Đối với bị cáo Lê Duy T: Do thường xuyên đến Công ty của Q tìm hiểu việc làm ăn của Q để kịp thời thu nợ khoản tiền 03 tỷ đồng, T đã vay hộ Q; nên T biết Q và P khai thác trái phép quặng tại mỏ Đ; từ tháng 9/2021 cho đến khi việc khai thác trái phép khoáng sản tại mỏ Đ bị phát hiện bắt giữ ngày 13/10/2021; T đầu tư toàn bộ chi phí tiền cho hoạt động khai thác mỏ và được P hứa chia cho T 05% lợi nhuận; Q dùng tiền bán quặng khai thác trái phép tại mỏ Đ để trả nợ cho T số tiền **1.998.833.836đ**. Ngoài ra đầu tháng 10/2021, theo sự chỉ đạo của P, T đưa 90.000.000đ cho P để P đưa cho C và điện thoại cho C chuyển 60.000.000đ cho C để làm các thủ tục xin khai thác tận thu khoáng sản tại mỏ Đ. Bị cáo được xác định với vai trò đồng phạm là người giúp sức về vật chất cho các bị cáo P, Q, C khai thác quặng trái phép từ tháng 9/2021 đến khi bị phát hiện (1 tháng 13 ngày).

[6] Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, cần áp dụng Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm đối với các bị cáo.

[7] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có

[8] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình điều tra vụ án trong cung cấp các tài liệu chứng cứ và khai ra nơi các bị cáo đã tiêu thụ khoáng sản, các lần các bị cáo nhận chuyển tiền bán khoáng sản. Có ý thức nộp số tiền các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội và thu lợi bất chính, bị cáo P đã ủy quyền cho vợ là Cao Diễm H nộp số tiền là **50.000.000đ**. Bị cáo Q ủy quyền cho vợ là Nguyễn Thị T nộp số tiền là 600.000.000đ, sau khi được bảo lãnh tại ngoại, bị cáo trực tiếp đến Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang nộp số tiền 100.000.000đ, tổng cộng **700.000.000đ**. Bị cáo T ủy quyền cho vợ là Vương Thị V nộp số tiền là 200.000.000đ; sau khi được bảo lãnh tại ngoại bị cáo đã nhiều lần tự nguyện đến Cơ quan điều tra nộp tiền thu lợi bất chính, đến nay bị cáo đã nộp tiền từ hành vi phạm tội với tổng số tiền là **1.350.000.000đ**. Bị cáo Lê Khả C là người đến cơ quan điều tra tố giác tội phạm về hành vi nhận hối lộ của ông T Phó Giám đốc Sở T tỉnh, hành vi này đã tích cực giúp cơ quan điều tra phát hiện tội phạm, bị cáo đã nộp lại số tiền **100.000.000đ**. Ngoài ra, bị cáo P có bố vợ là Cao Hoài Đ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo Q có bố đẻ là Nguyễn Đức Q có nhiều bằng khen, giấy khen trong quá trình công tác; bị cáo C có bố Bùi Đức T tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, là cựu chiến binh; bị cáo

T bản thân và gia đình đã có nhiều năm tham gia vào các phong trào xây dựng nông thôn mới, khuyến học và được UBND xã N, huyện V tặng giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện các phong trào; bị cáo C có bố là Lê Khả Q được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Về hình phạt: Các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Văn Q, Bùi Duy C, Lê Khả C đều thực hiện hành vi phạm tội từ giai đoạn đầu tháng 7/2021 cho đến khi bị phát hiện; do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 50 về căn cứ quyết định hình phạt và Điều 38 về tù có thời hạn, để xử phạt các bị cáo. Xét thấy, các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Văn Q, Bùi Duy C, Lê Khả C, Lê Duy T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xét xử các bị cáo dưới khung hình phạt liền kề để các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Đối với bị cáo Lê Duy T, về nhân thân đã bị xử phạt hành chính năm 2002 và năm 2013 nhưng bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội từ tháng 9/2021 cho đến ngày 13/10/2022 (được 01 tháng 13 ngày), động cơ mục đích bị cáo phạm tội là mong muốn thu được khoản tiền bị cáo Q nợ của bị cáo T, vai trò đồng phạm không đáng kể; đối chiếu quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/HĐTP-TATC của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo, không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù để bị cáo tự cải tạo tại địa phương và gia đình, không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[10] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 3 Điều 227 Bộ luật Hình sự quy định, Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Xét thấy, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vì động cơ vụ lợi; cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo P, Q, T. Đối với bị cáo C, là người làm thuê lấy lương, bị cáo C giúp sức về tinh thần, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo C và C.

[11] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ toàn bộ các vật chứng các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội; sau khi điều tra một số vật chứng do bị cáo, Q, P đi thuê, mượn nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu bao gồm: Trả lại cho ông Trần Văn Đ 01 Máy đào bánh xích, màu vàng cam, trên nắp máy có chữ KOMATSU PC200, máy cũ đã qua sử dụng. Trả lại cho ông Bùi Đức Q 01 Máy đào bánh xích, màu vàng cam, trên nắp máy có chữ HITACHI - ZAXIS 200, máy cũ đã qua sử dụng. Trả lại cho ông Nguyễn Chí Đ 01 xe ô tô nhãn hiệu Lexus, số loại 570, màu sơn ghi, số máy 3UR3013255, số khung 00W184003877, Biển kiểm soát 30E - 322.23, xe cũ đã qua sử dụng (BL 1361). Vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội và đã trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q 01 vòng đeo tay bằng đá nhiều màu sắc, cũ, đã qua sử dụng và 01 Chứng minh thư nhân dân số 13623388 mang tên Nguyễn Văn Q (BL 2552) là đúng quy định của pháp luật.

[12] Còn lại các vật chứng và tiền thu giữ chuyển sang Cục Thi hành án dân sự, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý như sau:

[12.1] Đối với số tiền các bị cáo Q, T đầu tư vào để thực hiện hành vi phạm tội và thu lợi bất chính trong việc khai thác khoáng sản trái phép, cần tuyên tịch thu và truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền **3.576.965.836đ**, trong đó: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 2.208.000.000đ các bị cáo đã nộp; truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 1.376.965.836đ, trong đó (bị cáo Q số tiền 878.132.000đ, bị cáo T số tiền 498.833.836đ). Toàn bộ số quặng thu giữ là **732.040kg** (Trong đó thu tại Công ty V có khối lượng 633.350kg; thu giữ tại mỏ Mangan Đ, khối lượng 98.690kg) chưa trừ tỉ lệ hao hụt là vật chứng do các bị cáo khai thác khoáng sản trái phép có được, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[12.2] Đối với vật chứng là Phương tiện thu giữ do bị cáo Q sử dụng của Công ty V đưa xuống Mỏ Đ khai thác khoáng sản trái phép khi chưa được sự đồng ý của các cổ đông trong Công ty gồm ông Đặng Xuân T và ông Hoàng Văn V: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa; các cổ đông đều đề nghị xin lại số tài sản đang bị tạm giữ để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty trong thời gian tới; nếu không được trả thì Công ty sẽ lâm vào tình trạng rất khó khăn, không có phương tiện phục vụ kinh doanh để trả lương cho công nhân và cho bản thân các cổ đông, có nguy cơ Công ty dẫn tới phải giải thể hoặc phá sản, xét thấy: Tại Điều 32 Điều lệ hoạt động của Công ty V (các Cổ đông sáng lập ngày 20/10/2015) có quy định về hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận. Tuy nhiên, khi bị cáo Q sử dụng tài sản của Công ty để thực hiện hành vi phạm tội, các cổ đông của Công ty không biết và cũng không được Quân thông báo, nên cần xem xét để đảm bảo các quyền lợi của các cổ đông trong Công ty.

1. Đối với 05 chiếc xe ô tô nhãn hiệu HOWO, Biển kiểm soát 23C - 039.75, 23C - 039.52, 23C - 038.51, 23C - 039.25, 23C - 038.97 Giấy đăng ký 05 chiếc xe ô tô trên, chủ sở hữu phương tiện là Công ty V, theo kết quả định giá tài sản có trị giá là 4.250.000.000đ; nhưng Công ty V đã thế chấp làm tài sản bảo đảm tại Ngân hàng Công Thương, Chi nhánh Hà Giang theo các hợp đồng tín dụng từ năm 2017 và tính đến ngày 07/6/2022, Công ty V còn nợ lại Ngân hàng cả gốc và lãi số tiền 3.959.458.503đ. Căn cứ Điều 292 về Biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, trong đó có quy định về thế chấp tài sản; Điều 295 về tài sản bảo đảm; Điều 299 về xử lý tài sản; Điều 300 về thông báo xử lý tài sản bảo đảm; Điều 302 Quyền nhận lại tài sản bảo đảm, Điều 323 Quyền của bên nhận thế chấp của Bộ luật Dân sự; khi bị cáo Q sử dụng 05 chiếc xe ô tô để thực hiện hành vi phạm tội vào tháng 7/2021 đến ngày 13/10/2021, thì 05 chiếc xe ô tô này Công ty V đang thực hiện thế chấp tại ngân hàng. Để bảo vệ và bảo đảm công bằng, hợp lý đối với người thiện chí, ngay tình và bảo đảm sự ổn định trong các quan hệ dân sự cho bên nhận thế chấp; cần giao lại 05 chiếc xe ô tô cho Ngân hàng Thương mại, Chi nhánh tỉnh Hà Giang xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi số tiền Công ty V nợ tiền

của Ngân hàng đã quá hạn không trả được. Tuy nhiên, sau khi nhận được Thông báo ngày 07/6/2022 của Ngân hàng Công thương, Chi nhánh Hà Giang; các cổ đông của Công ty thấy rằng từ năm 2020 đến nay, do dịch bệnh Covid-19 kéo dài, Công ty không hoạt động, kinh doanh được, đồng thời do lo sợ Công ty không có phương tiện để tiếp tục kinh doanh, sẽ dẫn tới Công ty bị giải thể hoặc phá sản, nên các cổ đông của Công ty đã đi vay mượn tiền của người thân để trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gần 4 tỷ đồng và Ngân hàng Công Thương, chi nhánh Hà Giang đã trả lại toàn bộ giấy tờ đăng ký xe cho Công ty V; vì vậy để đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông đối với tài sản đồng sở hữu, cũng như nhu cầu cần thiết để phục vụ kinh doanh, cần tuyên trả lại 05 chiếc xe cho Công ty V. Nếu có tranh chấp xảy ra giữa các thành viên của Công ty về số tiền các cổ đông đã trả cho Ngân hàng Công thương, thì các thành viên của Công ty có quyền khởi kiện bằng vụ án kinh doanh thương mại tại Tòa án.

2. Đối với 01 Máy đào bánh xích nhãn hiệu KOMATSU PC 450; 01 Máy đào bánh xích trên nắp máy có chữ HITACHI ZAIS 350 LC; 01 Máy xúc lật trên nắp máy có chữ LIUGONG ZL50CN, HẢI ÂU; tuy không có đăng ký quyền sở hữu tài sản nhưng theo hoá đơn mua hàng đứng tên Công ty V mua từ năm 2017 (BL 671g, 673, 674d); là các tài sản máy móc, phương tiện trực tiếp liên quan đến việc hành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty; 01 máy xúc lật màu vàng trên máy có dòng chữ LIUGONG ZL30E, không sử dụng được; để đảm bảo quyền lợi của các Cổ đông cũng như việc làm, đời sống của các công nhân tại Công ty sau nhiều tháng bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19, không có việc làm, không có thu nhập, cần tuyên trả lại cho Công ty V.

3. Đối với 01 (một) máy đào bánh xích nhãn hiệu DAEWOO-300LCV, màu vàng cam; 01 (một) hệ thống tuyến quặng, gồm các bộ phận liên kết với nhau, gồm: 06 đầu nghiền bằng sắt có đường kính $d = 0,6m$, có 02 hệ thống máng sắt (có trục xoắn) dẫn đến 02 bộ phận máy lọc, mỗi máy có gắn 03 ống sắt (đường kính ống $d = 0,35m$); hệ thống chân, bệ. Trong quá trình điều tra bị cáo Q, các cổ đông đều kê khai là tài sản của Công ty V; tại phiên tòa bị cáo Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Xuân T và ông Hoàng Văn V không chứng minh được nguồn gốc tài sản là của Công ty V, nên cần tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

4. Đối với số tiền 4.328.000đ thu giữ của bị cáo Q, không liên quan đến hành vi phạm tội, nhưng cần giữ lại để đảm bảo cho công tác thi hành án dân sự đối với bị cáo Q.

[12.3] Đồ vật tạm giữ của chị Hoàng Ngọc L - Kế toán: 01 điện thoại di động IPHONE 7 Plus; 01 USB; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS màu đen, chị L sử dụng vào công việc giao dịch và tổng hợp số liệu khai thác khoáng sản cho bị cáo Q, nhưng chị L không biết được Q thực hiện khai thác trái phép, cần tuyên trả lại cho chị L. Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn Q và 01 điện thoại loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG, có gắn 01 sim VIETTEL, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần tuyên trả lại cho bị cáo Q.

[12.4] Đồ vật, tài sản tạm giữ của bị cáo Bùi Duy C: 01 điện thoại di động IPHONE 7 Plus màu hồng, 01 điện thoại di động IPHONE 7 màu trắng bạc, bị cáo C sử dụng để liên lạc trong việc khai thác khoáng sản trái phép, cần tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[12.5] Đối với 01 máy xúc lật màu vàng trên máy có ghi chữ LIUGONG ZL30E máy cũ đã qua sử dụng, quá trình điều tra, bị cáo Q khai máy Công ty mua đang sửa chữa chưa đưa vào sử dụng (BL 2459), Cơ quan CSĐT Công an huyện B tạm giữ ngày 08/12/2021 tại Công ty V. Kết quả điều tra xác định: Chiếc máy trên do Q mua về để sửa chữa, nhưng bị thiếu linh kiện, máy không hoạt động được, không sử dụng làm phương tiện phạm tội, cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo Q là đúng quy định của pháp luật.

[12.6] Ngày 02/8/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang nhận được đơn đề nghị của anh Đỗ Phúc H (kèm theo đơn là Biên bản bàn giao thiết bị ngày 01/6/2021 giữa anh P với ông T, 01 Giấy biên nhận, 01 hợp đồng thuê máy không có xác nhận của chính quyền địa phương, hoặc công chứng) với nội dung: Đề nghị trả lại 02 chiếc máy trong đó (01 máy xúc lật màu vàng cam, trên nắp máy có chữ LIUGONG ZL30E và 01 máy đào bánh xích nhãn hiệu DAEWOO-300LCV, màu vàng cam) anh H cho rằng đã cho bị cáo Q thuê từ tháng 6/2021. Căn cứ vào lời khai của bị cáo Q trong suốt quá trình điều tra, nội dung trình bày trong đơn đề nghị của các cổ đông ông V đều khẳng định 01 chiếc máy đào bánh xích nhãn hiệu DAEWOO-300LCV là của Công ty V; 01 máy xúc lật màu vàng cam, trên nắp máy có chữ LIUGONG ZL30E là do Công ty mua không sử dụng được; không phù hợp với nội dung đơn trình bày của anh H. Tại phiên tòa anh H không cung cấp được các tài liệu chứng cứ như hoá đơn mua máy, hợp đồng cho thuê tài sản có xác nhận của công chứng hoặc chính quyền địa phương về việc đã cho bị cáo Q thuê 02 chiếc máy này; do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của anh H. Nếu có tranh chấp giữa anh H với bị cáo Q về 02 chiếc máy trên thì anh H có quyền làm đơn khởi kiện bị cáo Q bằng một vụ kiện dân sự khác tại Tòa án về bồi thường thiệt hại.

[13] Về số tiền bà H chuyển thừa cho bị cáo T, bà H có trách nhiệm trao đổi với bị cáo để bị cáo T chuyển trả, nếu phát sinh tranh chấp bà H có quyền làm đơn khởi kiện bị cáo T bằng vụ kiện dân sự tại Tòa án.

[14] Riêng đồ vật tạm giữ của bị cáo **Lê Khả C**: 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, mặt sau màu vàng đồng, nhãn hiệu IPHONE 12, gắn ốp nhựa có viền màu xanh, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, thu giữ; gắn 01 sim VINAPHONE (Cơ quan điều tra xác định vật chứng trên có liên quan đến vụ nhận hối lộ, nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ phục vụ cho hoạt động điều tra và được xử lý trong vụ án khác).

[15] Từ những nhận định nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Văn Q, Bùi Duy C, Lê Duy T, Lê Khả C về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” quy định

tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Nội dung luận tội và quan điểm đề nghị về tội danh, áp dụng điều luật, hình phạt, xử lý vật chứng, án phí của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đối với từng bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[16] Trong vụ án này có các tổ chức, cá nhân liên quan đến vụ án như sau:

1. Đỗ Thanh T - Giám đốc Công ty B: Sau khi khởi tố vụ án và bắt các bị can để điều tra, T đã đi khỏi địa bàn hiện chưa xác định được Đỗ Thanh T đang ở đâu. Theo kết quả điều tra xác định T đã 06 lần chuyển tiền cho C để chi phí khai thác mỏ, với tổng số tiền là 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*). Tuy nhiên các bị cáo đều khẳng định T không tham gia vào việc khai thác mỏ trái phép. Do đã hết thời hạn điều tra theo luật định, hiện chưa xác định được T đang ở đâu nên Cơ quan điều tra đã tách hành vi của Đỗ Thanh T để tiếp tục điều tra xác minh có căn cứ sẽ xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

2. Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn Đ: Từ ngày 05/8/2021 đến ngày 09/10/2021, Q đã bán cho bà H **3.826** tấn quặng Mangan (*Đã trừ thủy phân*), với tổng số tiền là **3.576.965.836đ**; việc mua bán chỉ trao đổi với nhau qua điện thoại, không làm hợp đồng bằng văn bản, không có hóa đơn chứng từ, bà H khai do đã thống nhất với bị Q 5.000 tấn mới lấy hóa đơn một lần, nên mỗi xe trở quặng về Thái Nguyên không có bản gốc hóa đơn (*Liên 2- Giao cho khách hàng*) kèm theo. Trước Cơ quan điều tra bà H thừa nhận khi mua quặng với Q bà đã mua với danh nghĩa cá nhân, không phải là hoạt động của Công ty do bà làm Giám đốc nên không kê khai thuế; sau đó bà đã bán lại số quặng trên cho ông Lê Văn Đ, quá trình mua bán không có hóa đơn, không có hợp đồng, với mục đích là để trốn thuế. Ngày 24/02/2021, bà Nguyễn Thị H tự nguyện đến Cơ quan điều tra giao nộp số tiền **357.697.000đ** để khắc phục hậu quả về hành vi trốn thuế. Tại Công văn số 448 ngày 8/6/2022 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang gửi Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên tách hành vi trốn thuế của bà Nguyễn Thị H; ngày 22/6/2022 Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Giang ra quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự để giải quyết theo thẩm quyền, nên không xem xét trong vụ án này. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét đối với bà H.

Khi làm việc với cơ quan điều tra ông Đ khai không biết số quặng mua của bà H là do các bị cáo khai thác trái phép mà có, tuy nhiên việc mua bán không có hóa đơn chứng từ (*Ông Đ khai giao dịch bằng lời nói*). Hiện nay Cơ quan điều tra chưa xác định được ai là người đang quản lý số quặng trên; do đó chưa đủ căn cứ để xem xét hành vi của ông Đ là đúng pháp luật.

3. Ông Bùi Đức T: Trước Cơ quan điều tra, ông T thừa nhận được P giao chỉ địa điểm đồ si quặng của Công ty L trước đây và những vị trí đang khai thác quặng của Công ty L và đã được P trả cho tổng số tiền công là 25.000.000đ. Tuy nhiên, ông T khai chỉ biết P là người của Công ty L thuê ông, không biết việc các bị cáo khai thác quặng tại mỏ Đ là trái phép, do đó Cơ quan điều tra chưa có đủ căn cứ để xử lý đối với ông Bùi Đức T là đúng quy định.

4. Những người đã sử dụng phương tiện khai thác và vận chuyển đến bãi tập kết tại tổ 1, Thị trấn N, huyện V, Hà Giang, trong thời gian xảy ra vụ án gồm: Ông *Vi Văn Nhân N* (Sinh 1995, nơi cư trú: *Thôn B, xã Đ, huyện B*), là người được C thuê đến sửa chữa máy móc và lái máy xúc đào nhãn hiệu HITACHI 350; ông *Lý Văn Ổ* (Sinh 1986, nơi cư trú: *Thôn K, xã N, huyện V, Hà Giang*) được Q giao điều khiển xe HOWO BKS 23C- 03851; ông *Nguyễn Văn B* (Sinh 1979, nơi cư trú: *Thôn T, xã T, huyện B, Hà Giang*) được Q giao điều khiển xe HOWO BKS 23C- 03897; ông *Phạm Cao C* (Sinh 1978, nơi cư trú: *Thôn T, xã T, huyện B, Hà Giang*) được Q giao điều khiển xe HOWO BKS 23C- 03925; ông *Đỗ Văn H* (Sinh 1979, nơi cư trú: *Nậm T, xã Đ, B*) được Q giao điều khiển xe xúc lật HITACHI PC350 và HITACHI PC200; ông *Hà Đình P* (Sinh 1985, nơi cư trú: *Thôn C, xã T, V, Hà Giang*) được Q giao điều khiển xe HOWO BKS 23C- 03952; ông *Phạm Công B* (Sinh 1981, nơi cư trú: *Nậm T, xã Đ, B*) được Q giao điều khiển xe xúc lật loại COMATSU 450 và DAEWO 300; ông *Nông Văn B* (Sinh 1995; nơi cư trú: *Thôn B, xã L, V, Hà Giang*) được Quân giao điều khiển xe HOWO BKS 23C – 03975; ông *Cần Văn* (Sinh 1999, nơi cư trú: *Thôn N, xã Đ, B*) phụ lái xe HOWO cho Nguyễn Văn B, chở 04 chuyến quặng từ mỏ ở Thôn B ra bãi tập kết tại V. Trong thời gian tháng 9/2021 đến khi bị bắt, C đã thuê 01 máy xúc đào bánh xích, nhãn hiệu HITACHI màu vàng cam ZAXIS 200 của ông *Bùi Xuân Q* (Sinh ngày 10/10/1978, nơi cư trú: *Thôn Đ, xã Đ, huyện V, Hà Giang*) để làm phương tiện khai thác quặng tại mỏ Đ. Những người trên đều không biết các bị cáo khai thác Quặng trái phép tại mỏ Đ nên Cơ quan điều tra không xử lý bằng pháp luật hình sự là đúng quy định của pháp luật.

5. Những người lái xe vận chuyển quặng từ huyện V, tỉnh Hà Giang về tỉnh Thái Nguyên: Ông *Trịnh Văn T* (Sinh 1976, nơi cư trú: *Xóm Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên*) là chủ sở hữu xe HOWO BKS 20C - 178.54 và xe HOWO BKS 20C - 19283, được *Nguyễn Đức G* (Sinh 1991, nơi cư trú: *Xã M, Đ, Thái Nguyên*) thuê trở quặng từ V về Thái Nguyên nên T đã thuê *Nguyễn Văn H* (Sinh 1987, nơi cư trú: *Xóm V, Bản N, Đ, Thái Nguyên*) và *Hoàng Văn T* (Sinh 1986,; nơi cư trú: *Xóm V, Bản N, Đ, Thái Nguyên*) để lái xe vận chuyển quặng từ V, Hà Giang về Thái Nguyên. T đã trở được 07 chuyến, khoảng trên 500 tấn. Ông *Nguyễn Mạnh H* (Sinh 1988, nơi cư trú: *Xóm Đ, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên*) là chủ xe BKS 20C - 07619 được *Nguyễn Đức G* thuê trở 02 chuyến quặng từ V, Hà Giang về Thái Nguyên. Ông *Hà Bá Đ* (Sinh 1986, nơi cư trú: *Thôn T, xã P, huyện S, Tuyên Quang*) lái xe HOWO BKS 22H - 00110, lái thuê cho *Hoàng Ngọc T* (Sinh 1984, nơi cư trú: *Thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang*) với giá 12.000.000đ/1 tháng, đã trở 03 chuyến quặng từ V về Thái Nguyên. Ông *Hoàng Ngọc T* (Sinh 1984, nơi cư trú: *Thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang*) là chủ xe HOWO BKS 22H - 00110 được *Nguyễn Đức G* thuê trở quặng, đã giao xe cho *Hà Bá Đ* trở 03 chuyến quặng từ V, Hà Giang về Thái Nguyên. Ông *Nguyễn Đức G* (Sinh 1991, nơi cư trú: *Xóm H, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên*) là người đứng ra tìm phương tiện vận chuyển quặng cho *Nguyễn Thị H* từ V, Hà Giang về Thái Nguyên, với giá 160.000đ/ 1 tấn; bản thân G cũng lái xe HOW BKS 20C - 11641, trở quặng từ V, Hà Giang về Thái

Nguyên, với tổng số tiền hơn 400 triệu đồng, bao gồm cả tiền thuê các xe khác. Ông *Cần Văn T* (Sinh 1999; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, Bắc Quang) phụ lái xe HOWO cho Nguyễn Văn B, chở 04 chuyến quặng từ mỏ ở Thôn B ra bãi tập kết tại V;

Trước cơ quan điều tra những lái xe trên đều khai không được bàn bạc tham gia vào quá trình khai thác trái phép quặng tại mỏ Đ với các bị cáo, khi khai thác và vận chuyển quặng không biết việc khai thác quặng tại mỏ Đ là trái phép, nên Cơ quan điều tra không xử lý bằng pháp luật hình sự là có căn cứ.

6. Những người vận hành máy tuyển quặng, rửa quặng: Kết quả điều tra xác định, bị cáo C đã thuê 17 người là người địa phương đều trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện B, Hà Giang được C thuê rửa quặng trước khi đưa vào hệ thống máy tuyển quặng, gồm: *Vi Văn S* - Sinh 1963; *Vi Văn T* - Sinh 1977; *Triệu Thị T* - Sinh 1984; *Lâm Thị T* - Sinh 1963; *Lâm Thị T* - Sinh 1987; *Lâm Thị C* - Sinh 1968; *Vi Văn L* - Sinh 1962; *Vi Văn B* - Sinh 1965; *Vi Văn S* - Sinh 1972; *Hoàng Văn C* - Sinh 1965; *Vi Thị H* - Sinh 1980; *Vi Thị L* - Sinh 1967; *Hoàng Thị H* - Sinh 1977; *Phan Thị X* - Sinh 1973; *Nguyễn Thị Qt* - Sinh 1996; *Hoàng Thị T* - Sinh 1972; *Lê Thị B* - Sinh 1968.

Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa những người trên đều khai không được bàn bạc tham gia vào quá trình khai thác trái phép quặng tại mỏ Đ với các bị cáo, chỉ làm công ăn lương, khi thực hiện việc tuyển quặng không biết việc khai thác quặng tại mỏ Đ là trái phép, nên không đề nghị xử lý bằng pháp luật hình sự là có căn cứ.

[17]. Những người liên quan đến phương tiện bị thu giữ:

1. Ông *Trần Văn Đ* (Sinh ngày 02/8/1984, nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện B): Khoảng tháng 02/2021, ông Đ có nhu cầu mua máy xúc đào bánh xích, được ông T nhà ở T, V giới thiệu có chiếc máy xúc đào của Công ty V cần bán, ông Đ đã đi xem máy tại khu công nghiệp B, V, sau đó mua máy. Do máy hỏng phải sửa chữa nên ngày 10/9/2021, đã gửi tại mỏ quặng thôn B, khi gửi máy có gặp và nói với C về việc gửi máy; ông Trần Văn Đ không biết và không tham gia vào quá trình khai thác trái phép quặng, do đó không xử lý bằng pháp luật hình sự.

2. Ông: *Bùi Xuân Q* (Sinh ngày 10/10/1978, nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, Hà Giang) khai là người cho C thuê 01 máy xúc đào bánh xích, nhãn hiệu HITACHI màu vàng cam ZAXIS 200. Từ tháng 9/2021, không có Hợp đồng bằng văn bản về việc thuê máy, thỏa thuận bằng miệng, chưa thỏa thuận giá thuê máy; ông Đ không biết và không tham gia vào quá trình khai thác trái phép quặng, do đó không xử lý bằng pháp luật hình sự là có căn cứ.

3. Đối với *Hoàng Ngọc L* (Sinh ngày 22/12/2000; nơi cư trú: Tổ 1, thị trấn N, V Hà Giang) là nhân viên Hợp đồng làm Kế toán cho công ty của Q: Thời gian từ tháng 5/2021 đến ngày 15/10/2021, chị L làm kế toán cho Công ty V do Q làm Giám đốc theo thỏa thuận bằng miệng, không có Hợp đồng bằng văn bản, công việc chính là: Theo dõi tổng hợp thống kê tiền lương của toàn bộ số công nhân rửa

quặng, công nhân lái máy khai thác quặng và bảo vệ, nấu ăn tại mỏ Đ; theo dõi tổng hợp thống kê chi phí mua sắm, sửa chữa, xăng dầu, thay dầu mỡ đối với các phương tiện khai thác tại mỏ Đ; theo dõi tổng hợp thống kê tiền ăn của toàn bộ công nhân và các chi phí khác của mỏ Đ.

Trước Cơ quan điều tra, chị L khai không được Q chỉ đạo trực tiếp xuống mỏ Đ để lập sổ sách theo dõi các khoản chi phí khai thác mỏ Đ mà các khoản chi phí khai thác mỏ Đ do chị L cập nhật dựa trên hình ảnh chụp sổ sách của C, sau đó gửi qua mạng Zalo cho chị L. Đồng thời, chị L thừa nhận đã tổng hợp số liệu từ tháng 7 đến tháng 9/2021 để báo cáo Q và thanh toán với Q; đối với tháng 10/2021 chưa cập nhật do Q bảo chị L nghỉ việc từ ngày 15/10/2021. Sau đó Q đã yêu cầu L hủy sim điện thoại, xóa tài khoản Zalo và hướng dẫn L cách khai báo với Cơ quan điều tra, toàn bộ nội dung cuộc gọi của Q cho L đã được L ghi âm sao chép vào USB và đã giao nộp cho Cơ quan điều tra; các dữ liệu thể hiện các khoản chi phí khai thác mỏ Đ của các Q vẫn còn lưu giữ trong tài khoản Gmail của chị L.

Kết quả điều tra xác định chị L là kế toán học việc, không được bàn bạc để cùng thực hiện hành vi phạm tội với các bị cáo; không được hưởng lợi từ hành vi phạm tội của các bị cáo; không biết việc khai thác quặng tại mỏ Đ là trái phép và Q khẳng định chị L không biết việc khai thác tại mỏ Đ là trái phép, do đó không xem xét xử lý bằng pháp luật hình sự là có căn cứ.

[18] Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[19] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Văn Quân, Bùi Duy C, Lê Duy T, Lê Khả C phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Văn Q, Bùi Duy C, Lê Khả C;

+ Xử phạt bị cáo Trần Văn P 10 (Mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23/11/2021;

+ Xử phạt bị cáo Bùi Duy C 09 (Chín) tháng 07 (Bảy) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 23/11/2021.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23/11/2021 đến ngày 23/6/2022.

+ Xử phạt bị cáo Lê Khả C 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/4/2022;

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Duy T; xử phạt bị cáo Lê Duy T 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Duy T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang có trách nhiệm giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Lê Duy T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 227 Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Văn Q, Lê Duy T mỗi bị cáo số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*);

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Bùi Duy C, Lê Khả C.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1. *Tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền, vật các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội và thu lợi bất chính, vật do phạm tội mà có:*

- Số tiền **2.208.000.000đ** (*Hai tỷ, hai trăm linh tám triệu đồng*) các bị cáo đã nộp, trong đó: Bị cáo Nguyễn Văn Q số tiền là 700.000.000đ, bị cáo Lê Duy T số tiền 1.350.000.000đ; bị cáo Lê Khả C số tiền 100.000.000đ; bị cáo Trần Văn P số tiền 50.000.000đ; bị cáo Bùi Duy C số tiền 8.000.000đ (đã chuyển vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang;

- Số lượng **732.040kg quặng** (*Trong đó thu tại Công ty V có khối lượng 633.350kg; thu giữ tại mỏ Mangan Đ, khối lượng 98.690kg*) chưa tính tỷ lệ hao hụt, cụ thể:

+ 01 đồng quặng Mangan, có khối lượng 633.350 kg (*Sáu trăm ba mươi ba nghìn ba trăm năm mươi kilogam*) theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài sản ngày 14/10/2021 của Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Hà Giang. Tại thời điểm giao nhận Cơ quan Thi hành án dân sự chưa nhận số quặng trên, chưa tiến hành xác định khối lượng quặng. Qua kiểm tra thực tế số quặng trên để ngoài trời, có thể do ảnh hưởng thời tiết sẽ bị hao tổn. Căn cứ yêu cầu bảo quản vật chứng tiếp tục để số quặng trên tại Công ty V; Đồng thời tiếp tục giao cho ông Nguyễn Văn

Q – Giám đốc Công ty V (*Đại diện chủ sở hữu tang vật, phương tiện*) có trách nhiệm trông coi, bảo quản theo quy định.

+ 03 đồng quặng theo tài liệu của cơ quan điều tra gồm: 25.120 kg quặng loại hàm lượng mangan là 28,07%, hàm lượng sắt 16,15%; 50.380 kg quặng loại có hàm lượng mangan là 28,27% hàm lượng sắt là 16,96%; 10.070 kg quặng loại có hàm lượng mangan là 37,43% hàm lượng sắt là 5,41%. Tại thời điểm giao nhận Cơ quan Thi hành án dân sự chưa nhận số quặng trên và chưa xác định hiện trạng khối lượng quặng. Qua kiểm tra thực tế số quặng chưa được phủ bạt, quay kín, có thể do thời tiết sẽ bị hao tổn. Thống nhất tiếp tục để số quặng trên tại hiện trường vụ án (thôn Bản Buốt, xã Đồng Tâm, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang).

+ 10m³ quặng được quy đổi bằng 13.120 kg (theo Kết luận định giá số 05/KL-HĐĐGTS ngày 23/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản theo Tổ tụng hình sự huyện B) trên thùng xe ô tô nhãn hiệu HOWO; biển kiểm soát 23C - 038.51; tuy nhiên tại thời điểm giao nhận xe, Cơ quan Thi hành án chưa nhận số quặng trên và chưa xác định khối lượng quặng. Qua kiểm tra thực tế số quặng trên thùng xe không có mái che, có thể do thời tiết sẽ bị hao tổn.

- 01(một) máy đào bánh xích nhãn hiệu DAWOO – 300LCV, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của máy, kính buồng lái bị dạn nứt, vỏ thân xe bị trầy xước nhiều.

- 01(một) giàn hệ thống tuyến quặng, gồm các bộ phận liên kết với nhau, gồm 06 đầu nghiền bằng sắt có đường kính $d = 0,6$ m, có 02 hệ thống máng sắt (có trục xoắn) dẫn đến 02 bộ phận máy lọc, mỗi máy có gắn 03 ống sắt (đường kính ống $d = 0,35$); hệ thống chân, bệ đã qua sử dụng, giàn hệ thống tuyến quặng không hoạt động, đã bị hoen gỉ, bẩn, không kiểm tra bên trong máy.

- 01 điện thoại di động IPHONE 7 Plus màu hồng thu giữ của bị cáo Bùi Duy C;

- 01 điện thoại di động IPHONE 7 màu trắng bạc thu giữ của bị cáo Bùi Duy C.

3.2. Truy thu số tiền các bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội và thu lợi bất chính số tiền 1.376.965.836đ (Một tỷ, ba trăm bảy mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, tám trăm ba sáu đồng), trong đó:

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Văn Q số tiền 878.132.000đ (Tám trăm bảy mươi tám triệu, một trăm ba mươi hai nghìn đồng);

- Truy thu của bị cáo Lê Duy T số tiền 498.833.836đ (Bốn trăm chín mươi tám triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, tám trăm ba sáu đồng);

3.3. Trả lại vật, tiền không liên quan đến hành vi phạm tội và vật bị cáo Nguyễn Văn Q sử dụng chưa được sự nhất trí các cổ đông của Công ty V:

- Trả lại cho Công ty V, địa chỉ: Tổ 1, thị Trấn N, huyện V, tỉnh Hà Giang gồm:

+ 01(một) xe ô tô nhãn hiệu HOWO (theo phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Giang xe có nhãn hiệu CNHTC); biển kiểm soát 23C – 039.75, xe đã qua sử dụng, xe bị trầy xước nhiều nơi, xe không khởi động, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe;

+ 01(một) xe ô tô nhãn hiệu HOWO (theo phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Giang xe có nhãn hiệu CNHTC); biển kiểm soát 23C – 039.52, xe đã qua sử dụng, xe bị trầy xước nhiều nơi, xe không khởi động, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe;

+ 01(một) xe ô tô nhãn hiệu HOWO (theo phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Giang xe có nhãn hiệu CNHTC); biển kiểm soát 23C – 038.51, xe đã qua sử dụng, xe bị trầy xước nhiều nơi, xe không khởi động, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe;

+ 01(một) xe ô tô nhãn hiệu HOWO (theo phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Giang xe có nhãn hiệu CNHTC); biển kiểm soát 23C – 039.25, xe đã qua sử dụng, xe bị trầy xước nhiều nơi, xe không khởi động, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe;

+ 01(một) xe ô tô nhãn hiệu HOWO (theo phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Giang, xe có nhãn hiệu CNHTC); biển kiểm soát 23C – 038.97, xe đã qua sử dụng, xe bị trầy xước nhiều nơi, xe không khởi động, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe.

(Tất cả 05 chiếc xe ô tô trên đều không có lớp dự phòng theo xe, toàn bộ số lớp xe đã cũ).

+ 01(một) máy đào bánh xích nhãn hiệu KOMATSU PC 450, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của máy, kính buồng lái bị vỡ, bị đạn nứt, vỏ thân xe bị trầy xước nhiều;

+ 01(một) máy xúc lật trên nắp máy có chữ LIUGONG ZL50CN, HẢI ÂU, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của máy, đầu xe bị móp méo, kính buồng lái bị đạn nứt, lốp bị hết hơi, vỏ thân xe bị trầy xước nhiều chỗ;

+ 01(một) máy đào bánh xích trên nắp máy có chữ HITACHI ZAIS 350 LC, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của máy, kính buồng lái bị đạn nứt, vỏ thân xe bị trầy xước nhiều;

+ 01(một) máy xúc lật màu vàng, trên máy có dòng chữ LIUGONG ZL30E, phần kính buồng lái (*bên phải và bên trái*) đã vỡ, không còn nguyên vẹn, phần vỏ thân máy đã bị trầy xước nhiều vị trí; máy cũ, đã qua sử dụng", không tiến hành kiểm tra tình trạng hoạt động của máy.

- Trả lại cho chị Hoàng Ngọc L:

+ 01(một) điện thoại di động IPHONE 7 Plus, đã qua sử dụng, không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong;

+ 01(một) máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, đã qua sử dụng, không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong.

3.4. Tạm giữ vật, tiền để đảm bảo Thi hành án dân sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Q:

- Tạm giữ số tiền **4.328.000đ** (Bốn triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn Q;

- 01(một) máy xúc lật trên nắp máy có chữ LIUGONG ZL30E, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của máy, không có kính buồng lái, vỏ thân xe bị trầy xước nhiều thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn Q.

4. Về án phí: Căn Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Văn Q, Bùi Duy C, Lê Duy T, Lê Khả C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Phòng PC 01, PC 03, PV 06 Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- UBND xã Ngọc Linh huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang;
- Phòng KTNV&THA;
- Tổ HCTP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Thanh Loan

